

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Mai Anh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Mai Anh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Mai Anh

Mã SV: 1012401385

Lớp: QT1406K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn

NHIỆM VỤ TỐT NGHIỆP

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ):

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Số liệu năm 2013

3. Địa điểm thực tập.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị Thúy Hồng*

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Ngô Mai Anh

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tốt nghiệp:

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp
- Chịu khó, ham học hỏi tiếp thu ý kiến của giáo viên
- Hoàn thành khóa luận đúng thời hạn quy định

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP May Trường Sơn: Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lý phần hạch toán giá vốn, doanh thu, chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán nhật ký chung với số liệu minh họa năm 2013. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách và báo cáo tương đối logic và hợp lý.

- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP may Trường Sơn: Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đề có cơ sở khoa học, hợp lý và được tính toán cụ thể, có sức thuyết phục

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

Bảng số:

Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014
Cán bộ hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1 Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.	3
1.1.1.2. Khái niệm về chi phí:	5
1.1.1.3 Khái niệm kết quả kinh doanh:	9
1.1.2. Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp.	9
1.1.2.1. Các phương thức bán hàng.....	9
1.1.2.2 Các phương thức thanh toán	11
1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	12
1.2.1 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	12
1.2.2 Chứng từ sử dụng.	12
1.2.3 Tài khoản sử dụng	13
1.2.3.1 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác.	13
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh	18
1.2.4. Kế toán chi tiết trong hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.	18
1.2.4.1.1. TK chi tiết trong kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.....	18
1.2.4.2. Sổ sách chi tiết kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.	20
1.2.5. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và doanh thu tiêu thụ nội bộ.	
1.2.5.1. kế toán doanh thu bán hàng.....	22
1.2.5.3. Kế toán tổng hợp doanh thu và thu nhập khác.....	26
1.2.5.2. Kế toán tổng hợp chi phí.....	27
1.2.5.3. Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.....	32
1.3 Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	32

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN..... 38

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần may Trường Sơn.....	38
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần may Trường Sơn	38
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	39
2.1.2.1 Đặc điểm về tình hình sản xuất của công ty	39
2.1.2.2 Quy trình công nghệ sản xuất tại công ty cổ phần may Trường Sơn.....	40
2.1.2.3 Nhiệm vụ chủ yếu của công ty	41
2.2 Khái quát tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn	46
2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	46
2.2.2 Chính sách và phương pháp kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn ..	48
2.2.2.3. Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng	50
2.2.2.4. Chứng từ sử dụng	50
2.2.2.5. Hệ thống báo cáo tài chính.....	50
2.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn.....	51
2.3.1 Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	51
2.3.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn	52
2.3.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	52
2.3.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty cổ phần may Trường Sơn.....	63
2.3.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần may Trường Sơn.....	70
2.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	78
2.2.2.4. Kế toán xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần may Trường Sơn... Nội dung	85 85

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN..... 92

3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn	92
3.1.1. Về ưu điểm	92
3.1.2. Những nhược điểm của công tác kế toán tại công ty.....	93
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán.....	94
KẾT LUẬN	99

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
CP	Chi phí
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQL	Chi phí quản lý
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
K/C	Kết chuyển
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa.
TSCĐ	Tài sản cố định
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
HĐ SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
CKTM	Chiết khấu thương mại
NSNN	Ngân sách nhà nước

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vấn đề mà các doanh nghiệp luôn lo lắng và băn khoăn là: “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh nghiệp có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận?” Thật vậy xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp không những chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh. Mục đích của phần lớn các doanh nghiệp hiện nay là tối đa hóa lợi nhuận. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra thì phần còn lại sau khi bù đắp chi phí đó được gọi là lợi nhuận, bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lý, phần lớn trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hoặc các doanh nghiệp thương mại thì doanh thu đạt được chủ yếu do quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đó chính là lí do mà các nhà quản lý doanh nghiệp phải luôn nghiên cứu hoàn thiện các phương pháp quản lý nhằm thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá. Trong đó, kế toán là một công cụ sắc bén và quan trọng không thể thiếu để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế, kiểm tra việc sử dụng, quản lý tài sản, hàng hoá nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Do đó, tổ chức hợp lý quá trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là yêu cầu hết sức cần thiết không riêng với các doanh nghiệp thương mại mà còn đối với tất cả các doanh nghiệp tham gia vào thị trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, cùng với những kiến thức đã học ở trường, qua thời gian tìm hiểu thực tế hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn, với sự hướng dẫn của cô giáo – Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán của công ty với đề tài:

“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn

2. Mục đích và ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài.

- Nghiên cứu khảo sát thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp.

- Vận dụng lý luận về nghiệp vụ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vào nghiên cứu thực tiễn ở Công ty cổ phần may Trường Sơn.

- Từ đó phân tích những vấn đề còn tồn tại, đề xuất các ý kiến và những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện, cải tiến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn. Các báo cáo liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2013, báo cáo tài chính năm 2013 và các thông tin khác có liên quan.

- Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi của bài khóa luận là những kiến thức về lý luận kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, ... Từ đó, em nghiên cứu quá trình hạch toán tại Công ty cổ phần may Trường Sơn, số liệu minh họa được lấy ở tháng 5 năm 2013.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối, phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp chi tiết liên hệ) các phương pháp thống kê trong nghiên cứu để tìm ra tính chất và quy luật của chúng.

5. Kết cấu của khóa luận

Khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.

Khái niệm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là doanh thu chưa tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng “ hóa đơn GTGT”.

+ Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là doanh thu có tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bán hàng thông thường.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Phản ánh toán bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

+ *Chiết khấu thương mại:* là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

+ *Giá trị hàng hóa bị trả lại:* Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế. Như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn(nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn(nếu trả lại một phần

+ *Giảm giá hàng bán:* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạt hậu thị hiếu.

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Là loại thuế đánh trên hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là thuế gián thu được cấu thành trong giá bán sản phẩm.

+ *Thuế xuất khẩu*: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa phải chịu thuế xuất khẩu.

+ *Thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp*: Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện trên.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.1.2. Khái niệm về chi phí:

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc một chu kỳ nhất định (tháng, quý, năm) thực chất chi phí bằng sự chuyển dịch vốn, giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá như (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ).

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ, ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ. Khi hàng hoá đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả. Do vậy xác định đúng giá vốn hàng bán có ý nghĩa quan trọng vì từ đó doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh.

Phương pháp tính giá vốn hàng bán

– Phương pháp bình quân gia quyền

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

– Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá

của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

– *Phương pháp LIFO (nhập sau xuất trước)*

Theo phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc được sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ

– *Phương pháp giá thực tế đích danh*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, bao gồm:

Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (Khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)

Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ trong quá trình bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa

Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Chi phí khấu hao tài sản cố định: Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian bảo hành

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: Chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ nằm ngoài các khoản chi phí kể trên như: Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ cần được phân loại rõ ràng và tổng hợp theo đúng nội dung quy định. Cuối kỳ kế toán cần kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: *Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp bao gồm:*

- **Chi phí nhân viên quản lý:** Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định

- **Chi phí vật liệu quản lý:** Trị giá thực tế của các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ... dùng chung của doanh nghiệp

- **Chi phí đồ dùng văn phòng:** Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp

- **Chi phí khấu hao TSCĐ:** Khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...
- **Thuế phí, lệ phí:** Các khoản thuế như thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...
- **Chi phí dự phòng:** Khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh
- **Chi phí dịch vụ mua ngoài:** Các khoản chi về dịch vụ mua ngoài phục vụ chung toàn doanh nghiệp như: Tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ, tiền mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế phân bổ dần (không đủ tiêu chuẩn TSCĐ), chi phí trả cho nhà thầu phụ...
- **Chi phí bằng tiền khác:** Các khoản chi bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cho cán bộ và các khoản chi khác...

Chi phí hoạt động tài chính: Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái,...

Chi phí khác: Là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- **Chi phí thuế TNDN hoãn lại:** là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.1.3 Khái niệm kết quả kinh doanh:

Kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{DT BH} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} \\ \text{thuần từ} & = & \text{và} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{hàng bán} \\ \text{HĐ SXKD} & & \text{CCDV} & & \text{DT} & & \text{CP BH,} \\ & & & & & & \text{QLDN} \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận tài chính = DT hoạt động tài chính – Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế TNDN

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Là tổng số của lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} & = & \text{từ HĐ} & + & \text{HĐ tài chính} & + & \text{khác} \\ \text{thuế} & & \text{SXKD} & & & & \end{array}$$

Lợi nhuận sau thuế TNDN: Là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & - & \text{Chi phí thuế} \\ \text{thuế TNDN} & & \text{toán trước thuế} & & \text{TNDN} \end{array}$$

1.1.2. Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Các phương thức bán hàng

- Hình thức bán buôn

Bán buôn là việc bán sản phẩm của doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khác, các cửa hàng, đại lý... Với số lượng lớn để các đơn vị tiếp tục bán cho các tổ chức khác hay phục vụ cho việc khác nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế. Đặc điểm của nghiệp vụ bán buôn là hàng hoá chưa đến tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện đầy đủ.

- *Hình thức bán lẻ*

Bán lẻ là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cá nhân và bộ phận nhu cầu kinh tế tập thể. Số lần tiêu thụ của mỗi lần bán thường nhỏ

* Đặc điểm:

- Hàng hóa đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng.
- Giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa đã được thực hiện
- Bán đơn chiếc hoặc số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định.

Phương thức bán lẻ có các hình thức sau:

+ Bán lẻ thu tiền tập trung: Nghiệp vụ thu tiền của người mua và nghiệp vụ giao hàng cho người mua tách rời nhau. Mỗi quầy hàng có một nhân viên thu tiền làm nhiệm vụ thu tiền của khách, viết hóa đơn hoặc tích kê cho khách để khách tới nhận hàng ở quầy hàng do nhân viên bán hàng giao.

- Ưu điểm của hình thức này là ít xảy ra sai sót giữa tiền và hàng
- Nhược điểm: mất nhiều thời gian của khách

Vì nhược điểm trên nên hình thức bán hàng này chỉ áp dụng cho việc bán những mặt hàng có giá trị cao.

+ Bán lẻ thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền của khách và giao hàng cho khách. Cuối ngày hoặc cuối mỗi ca nhân viên bán hàng làm giấy nộp tiền và nộp tiền cho thủ quỹ, lập báo cáo bán hàng.

+ Bán lẻ tự phục vụ (tự chọn): Khách hàng tự chọn lấy hàng mang tới bàn tính tiền và thanh toán tiền hàng. Nhân viên thu tiền kiểm hàng, tính tiền, lập hóa đơn bán hàng, thu tiền của khách.

- *Phương thức chuyển hàng chấp nhận*

Theo hình thức này doanh nghiệp xuất hàng từ kho chuyển đi cho người mua theo hợp đồng bằng phương tiện vận tải tự có hoặc thuê ngoài. Hàng hoá gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, khi nào bên mua xác nhận đã nhận được hàng hoặc chấp nhận thanh toán thì mới chuyển quyền sở hữu và doanh nghiệp coi đó là thời điểm ghi nhận doanh thu. Chi phí vận chuyển do doanh nghiệp chịu hoặc do người mua phải trả tùy thuộc vào điều kiện quy định trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

- *Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi:*

Đối với hàng hoá nhận đại lý thì đây không phải là hàng hoá của doanh nghiệp, nhưng doanh nghiệp phải có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn. Khi nhận hàng hoá đại lý, ký gửi, kế toán ghi đơn tài khoản 003 và phải mở sổ (thẻ) chi tiết để ghi chép phản ánh cụ thể theo từng mặt hàng. Đơn vị nhận được một khoản hoa hồng theo tỉ lệ khi bán được hàng.

- *Phương thức trả góp, trả chậm:*

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì hàng hoá được coi là tiêu thụ. Người mua phải thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần số tiền, số tiền còn lại được trả hàng tháng và phải chịu một lãi suất nhất định. Thông thường giá bán trả góp thường lớn hơn giá bán theo phương thức thông thường.

1.1.2.2 Các phương thức thanh toán

Sau khi giao hàng cho bên mua và nhận được chấp nhận thanh toán bên bán có thể nhận tiền hàng theo nhiều phương thức khác nhau tùy vào sự tín nhiệm thoả thuận giữa 2 bên mà lựa chọn các phương thức thanh toán cho phù hợp. Hiện nay các doanh nghiệp có thể áp dụng 2 phương thức thanh toán:

- *Thanh toán trực tiếp*

Sau khi khách hàng nhận được hàng, khách hàng thanh toán ngay tiền cho doanh nghiệp thương mại có thể bằng tiền mặt hoặc bằng tiền tạm ứng, bằng chuyển khoản hay thanh toán bằng hàng(hàng đổi hàng).

- *Thanh toán trả chậm*

Khách hàng đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho doanh nghiệp thương mại. Việc thanh toán trả chậm có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thoả thuận. Ví dụ điều kiện “1/10, n/20”, có nghĩa là trong 10 ngày đầu tiên kể từ ngày chấp nhận nợ, nếu người mua thanh toán công nợ sẽ được hưởng chiết khấu 1%, kể từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 20 người mua phải thanh toán toàn bộ công nợ là n. Nếu 20 ngày mà người mua chưa thanh toán nợ thì họ sẽ phải chịu lãi suất tín dụng.

1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hóa tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng hóa bán ra(giá bán, doanh thu thuần).
- Phân bổ chi phí bán hàng cho từng số hàng đã bán trong kỳ và lượng hàng tồn cuối kỳ.
- Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hóa, phát hiện và xử lý kịp thời hàng hóa bị ứ đọng.
- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp.
- Xác định kết quả bán hàng và thực hiện chế độ báo cáo bán hàng, báo cáo hàng hóa.
- Theo dõi và thanh toán kịp thời các khoản công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.
- Theo dõi, phản ánh các khoản thu nhập, chi phí hoạt động tài chính, trên cơ sở đó tính toán đầy đủ, kịp thời và chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Theo dõi, ghi chép và phản ánh kịp thời từng khoản thu nhập, chi phí khác phát sinh trong kỳ.
- Tính toán, phản ánh chính xác đầy đủ và kịp thời kết quả hoạt động kinh doanh khác.

1.2.2 Chứng từ sử dụng.

➤ *Chứng từ chủ yếu sử dụng trong kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ) (Mẫu số 01/GTKT - 3LL), Hóa đơn thông thường (đối với doanh

nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp) (Mẫu số 02 GTKT - 3LL)

- Hợp đồng kinh tế
- Bảng thanh toán hàng đại lý kí gửi (Mẫu số 01 - BH)
- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Giấy báo có
- Bảng kê hàng hóa bán ra.
- *Chứng từ chủ yếu sử dụng trong kế toán giá vốn hàng bán:*
 - Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
 - Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- *Chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:*
 - Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3TT)
 - Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
 - Giấy báo nợ, giấy đề nghị thanh toán
 - Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06 - TSCĐ)
 - Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)...
- *Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả bán hàng:*
 - Phiếu kế toán

1.2.3 Tài khoản sử dụng

1.2.3.1 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác.

TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Kết cấu vào nội dung phản ánh của tài khoản 511

Nợ	TK511,512	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ. - Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại) - Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần, sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu BĐSĐT . - Doanh thu nội bộ phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có) -Kết chuyển doanh thu hoạt động Tài chính thuần sang TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi - Thu nhập cho thuê tài sản,kinh doanh bất động sản - Chênh lệch về do bán ngoại tệ - Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

TK521,531,532 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ	TK 521;531;532	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán ra. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. - chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511;512
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu kỳ cuối kỳ

TK333 - Thuế và các khoản nộp nhà nước

Nợ	TK 3331;3332;3333	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ. -Số thuế,phí,lệ phí và các khoản phải nộp đã nộp vào Ngân sách nhà nước -Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp -Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại,bị giảm giá. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. -Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách nhà nước.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Số dư bên có TK 333 : số thuế,phí,lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ, số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí

TK641 – Chi phí bán hàng

TK642 – Chi phí QLDN

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK641,642

Nợ	TK 641,642	Có
- Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí BH, QLDN trong kỳ vào bên Nợ TK 911
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

TK635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, góp vốn liên doanh liên kết...

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK635

<i>Nợ</i>	<i>TK 635</i>	<i>Có</i>
- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất,..., được xác định là tiêu thụ.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>		<i>Tổng phát sinh Có</i>

Tài khoản này không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

TK 711 – “Thu nhập khác”:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản

<i>Nợ</i>	<i>TK 711</i>	<i>Có</i>
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ k/c các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911		-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>		<i>Tổng phát sinh có</i>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

TK 811 – “Chi phí khác”:

Tài khoản này phản ánh những chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt đối với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản.

<i>Nợ</i>	<i>TK 811</i>	<i>Có</i>
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.		-Cuối kỳ k/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>		<i>Tổng phát sinh Có</i>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết cấu:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của SP, HH, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. - Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí QLDN. - Kết chuyển chi phí tài chính, chi phí Thuế TNDN và chi phí khác. - Kết chuyển lãi sau thuế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về số SP, HH, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính. - Kết chuyển thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

1.2.4. Kế toán chi tiết trong hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.4.1.1. TK chi tiết trong kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “

TK 511 có 6 TK cấp 2.

- TK 5111 – doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá:
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh BĐSĐT
- TK 5118 – Doanh thu khác.

1.2.4.1.2. Tài khoản chi tiết trong kế toán chi phí

TK 641 – Chi phí bán hàng

TK 641 có 7 tài khoản cấp 2

- Tk 6411 – Chi phí nhân viên
- TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 – Chi phí bảo hành
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tk 6418 – Chi phí bằng tiền khác

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tk 642 có 8 tài khoản cấp 2

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

1.2.4.2. Sổ sách chi tiết kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.

Biểu số 1.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....

Mẫu số: S35-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa,dịch vụ,bất động sản đầu tư).....

Năm:

Quyển số :.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng		SL	ĐG	Thành Tiền	Thuế	Khác(521;531; 532)
A	B	C	D	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh Doanh thu thuần Giá vốn hàng bán Lãi gộp					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 1.2: sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty CP may Trường Sơn

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
– HP ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:....

Tên sản phẩm, dịch vụ: ...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản...					
	SH	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
					
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ							
			-Cộng số phát sinh - Ghi có TK... - Số dư cuối kỳ							

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 tới trang

Ngày mở sổ:

Ngày thángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

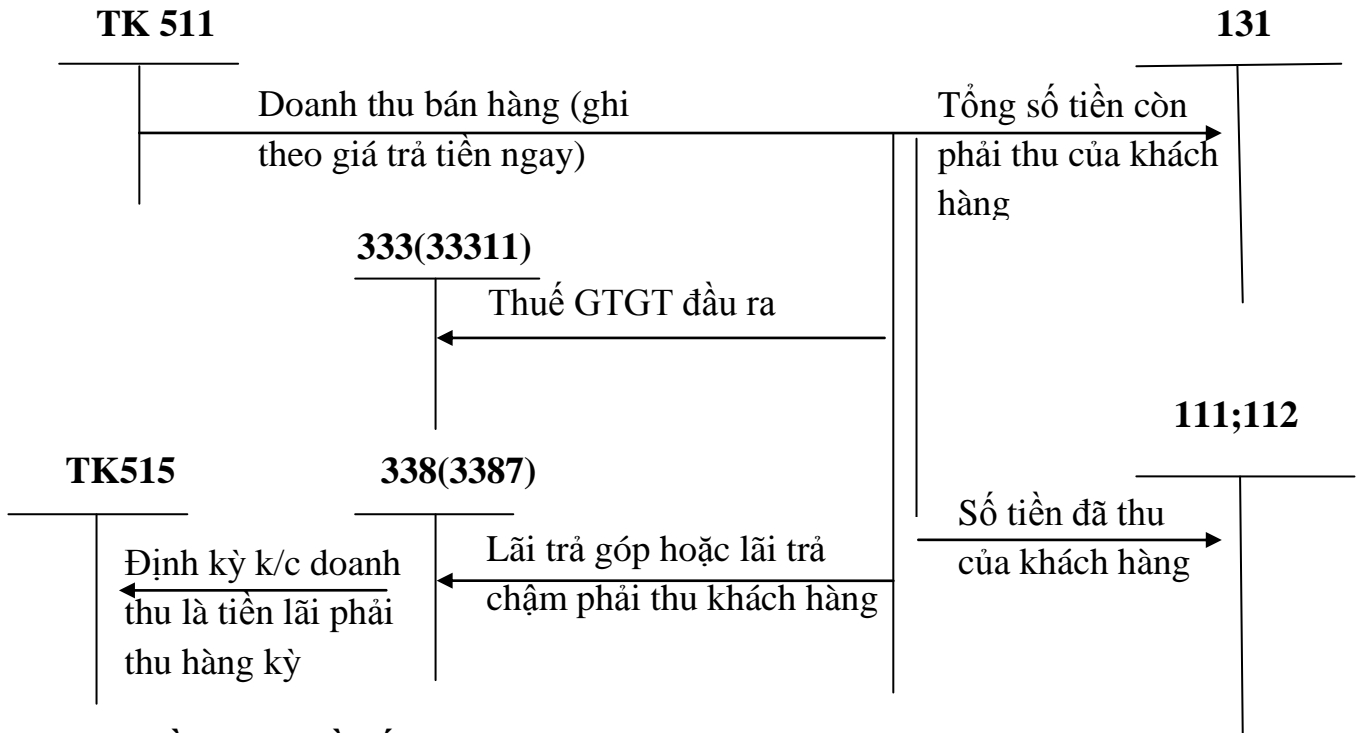
1.2.5. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và doanh thu tiêu thụ nội bộ.

1.2.5.1.kế toán doanh thu bán hàng

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

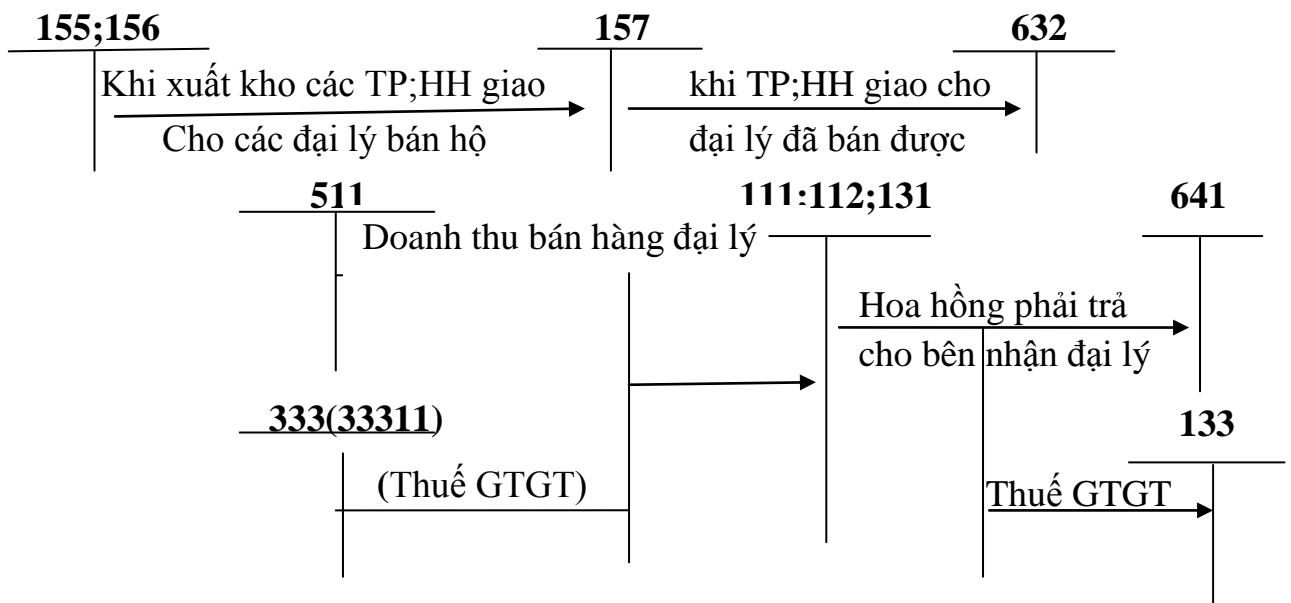
Theo quyết định 15/2006-QĐ-BTC



Sơ đồ 1.2: sơ đồ kế toán theo phương thức đại lý

Kế toán theo phương thức đại lý

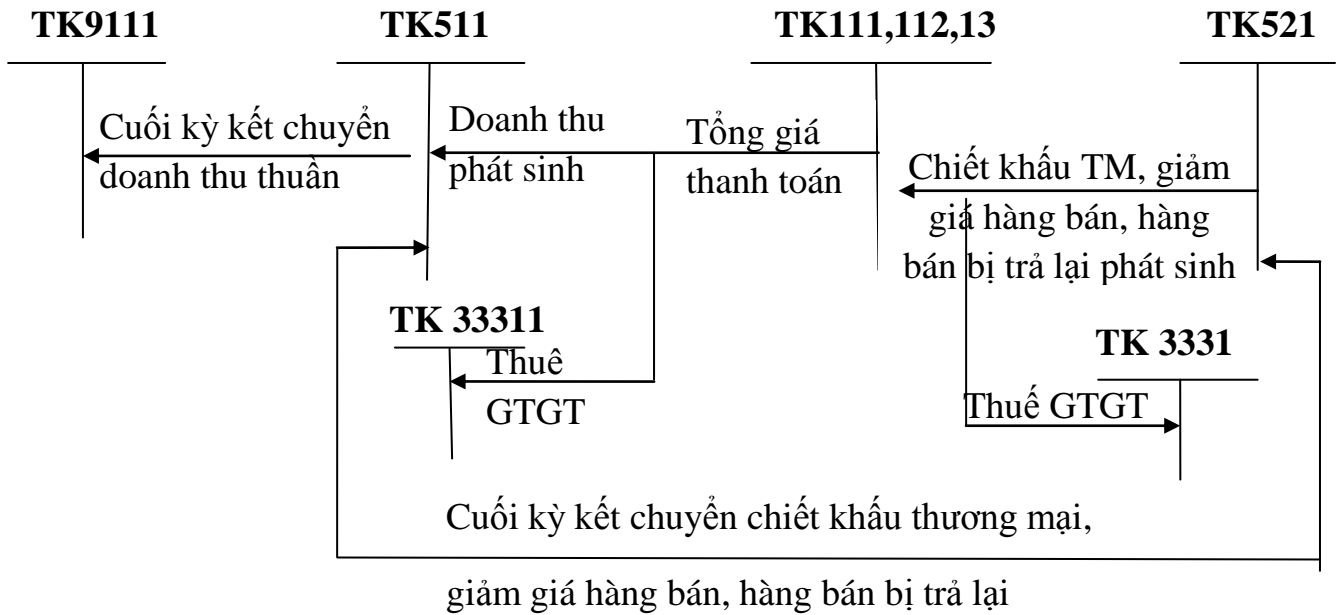
Theo quyết định 15/2006-QĐ-BTC



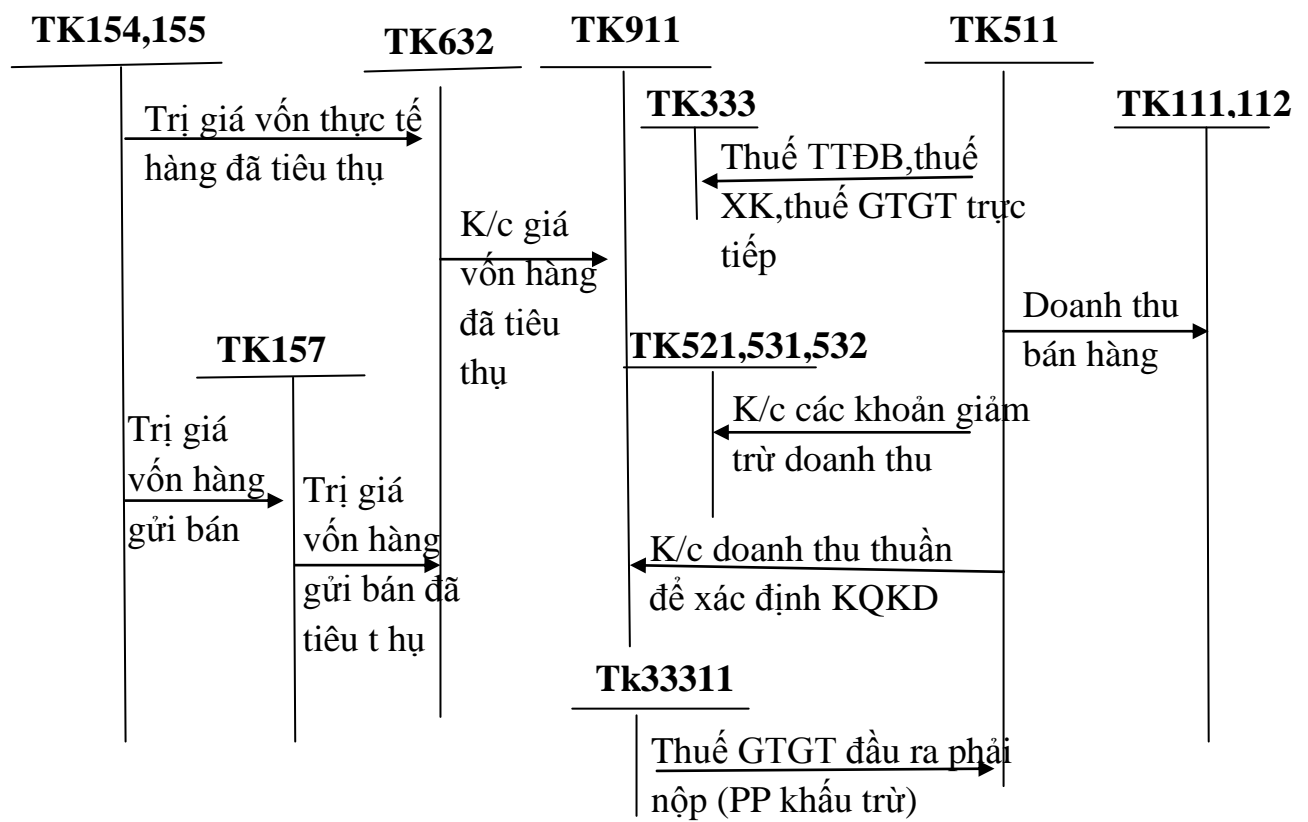
Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

Kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

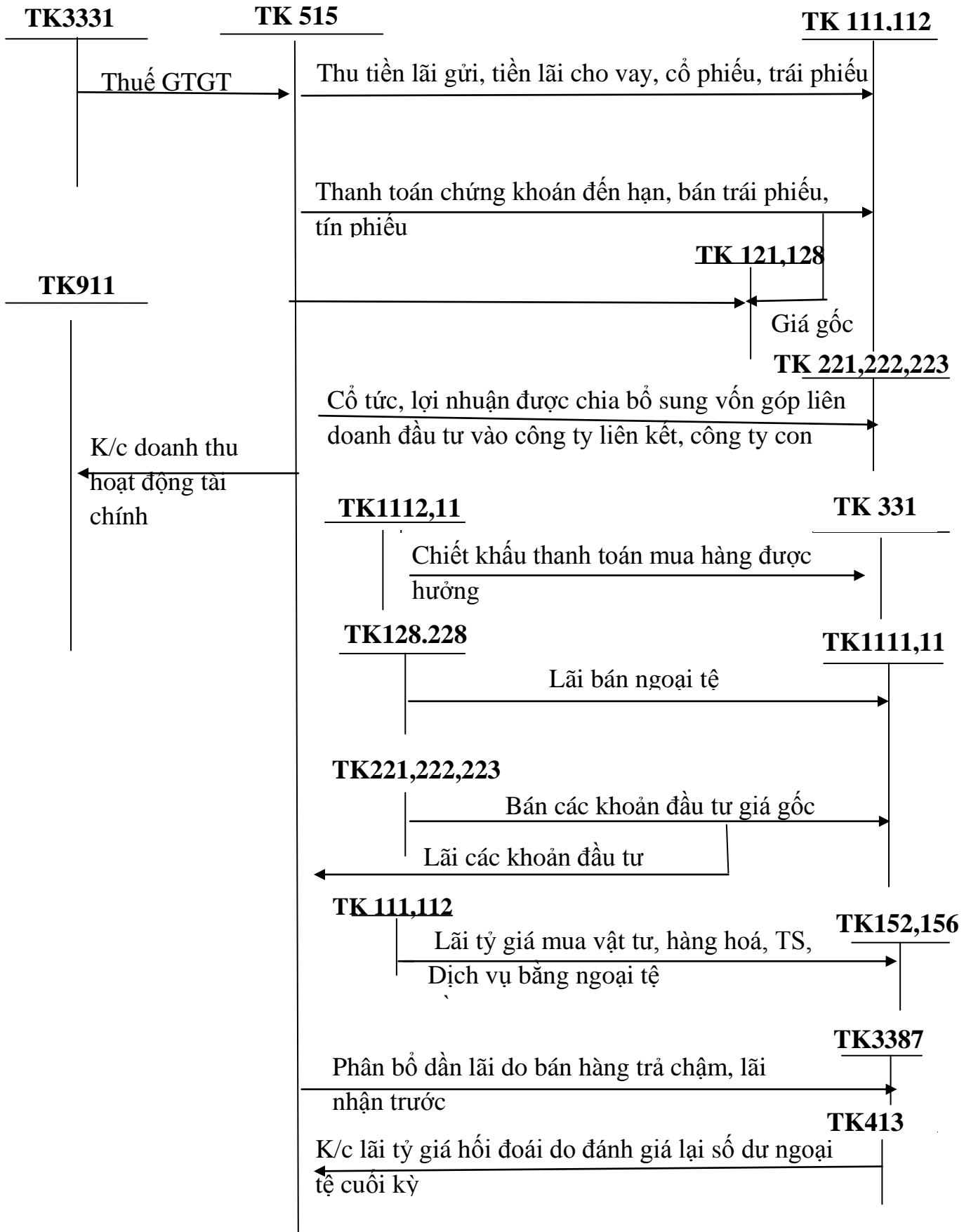
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



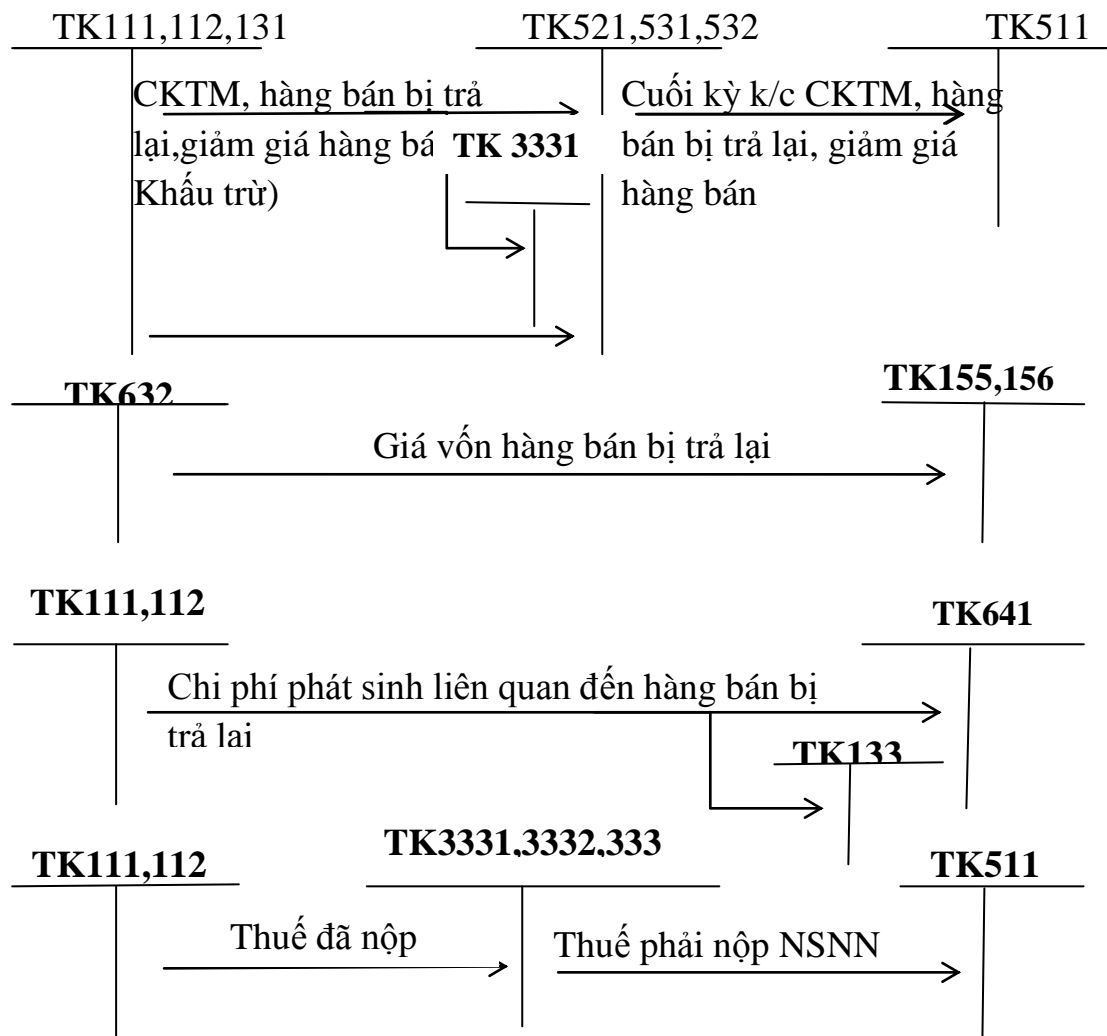
Sơ đồ 1.4 Kế toán doanh thu bán buôn vận chuyển thẳng



Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

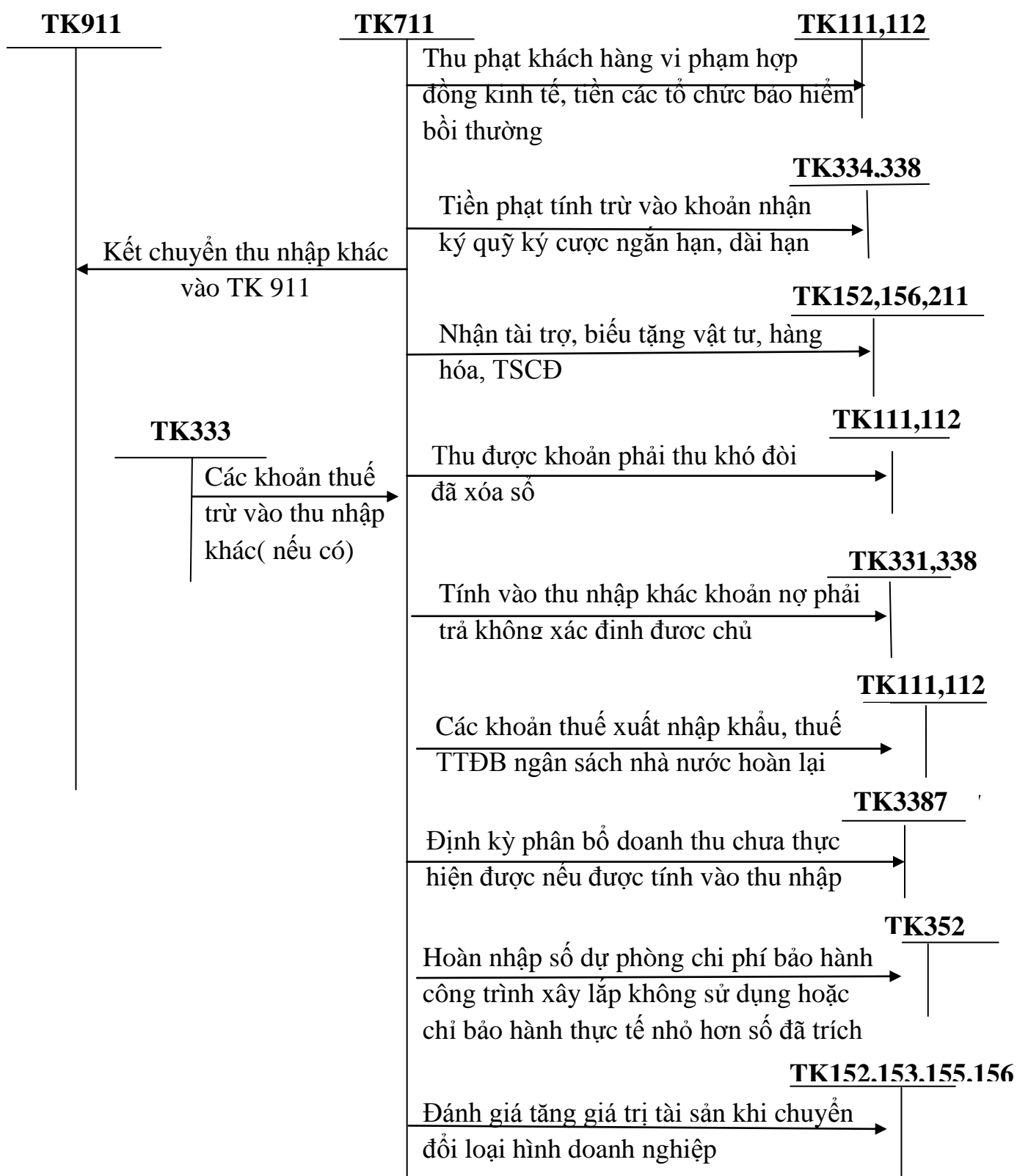


Sơ đồ 1.6: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.5.3. Kế toán tổng hợp doanh thu và thu nhập khác.

Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp doanh thu và thu nhập khác

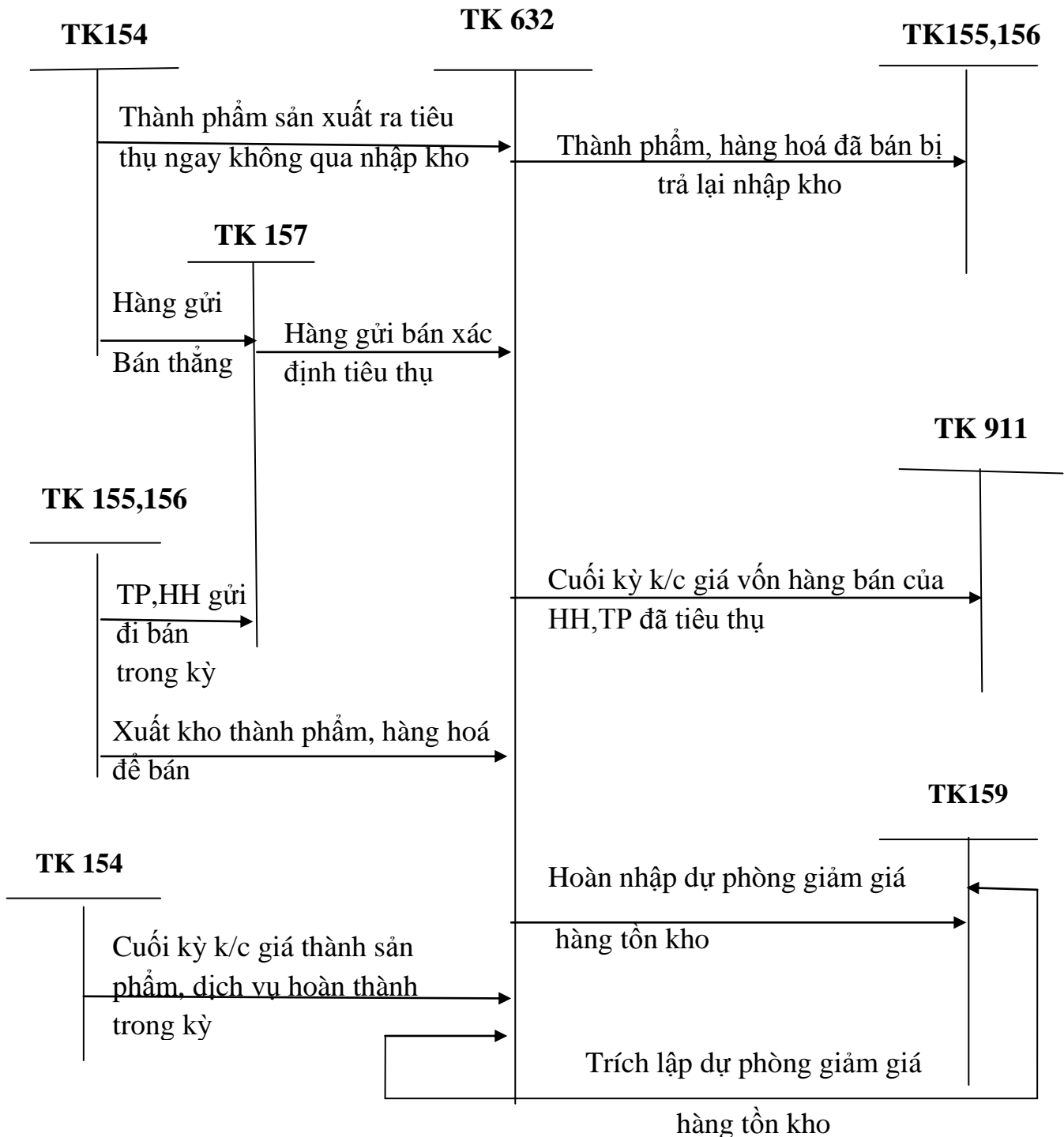


1.2.5.2. Kế toán tổng hợp chi phí

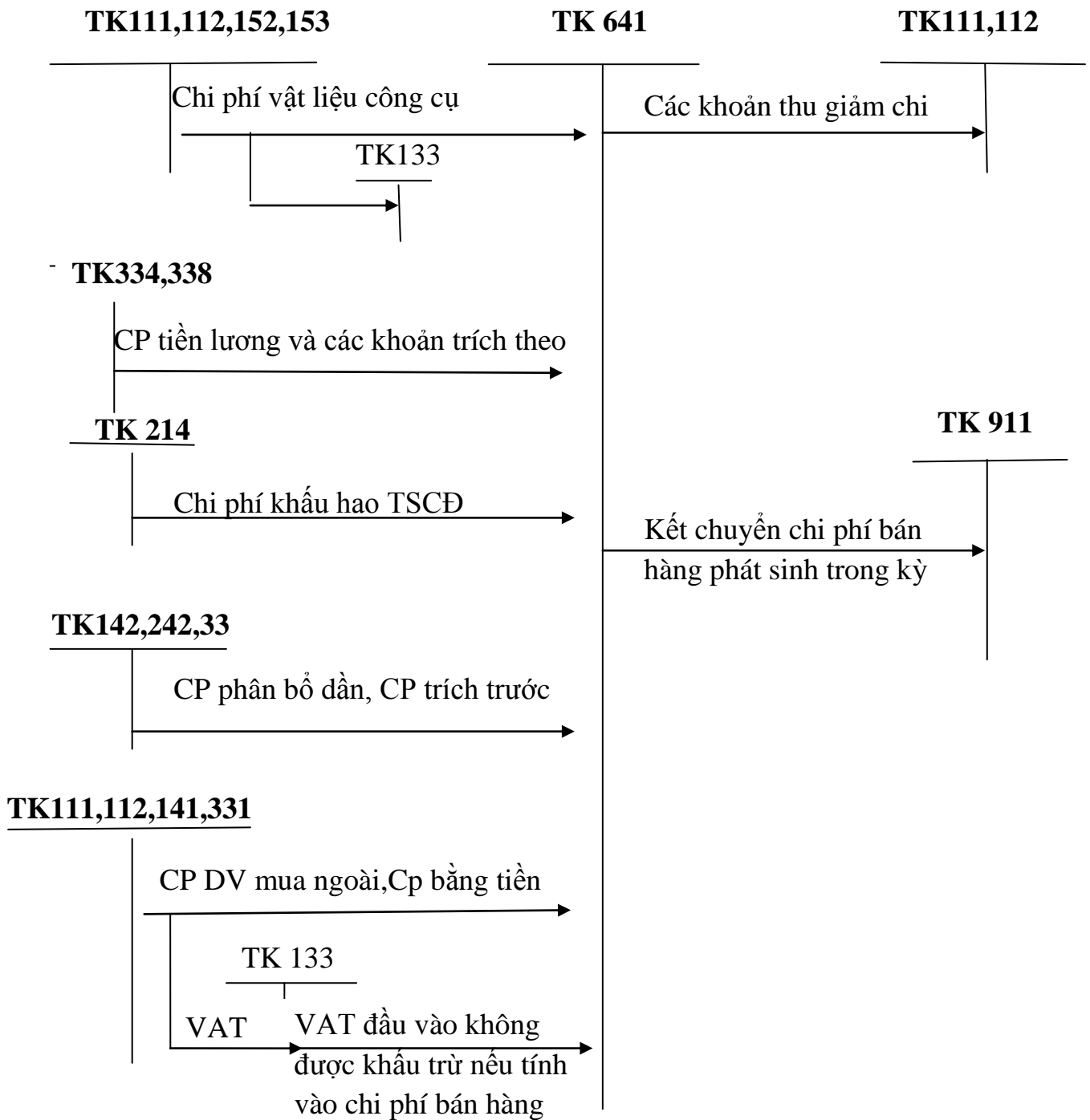
Hạch toán giá vốn dịch vụ

Sơ đồ 1.8: sơ đồ hạch toán giá vốn

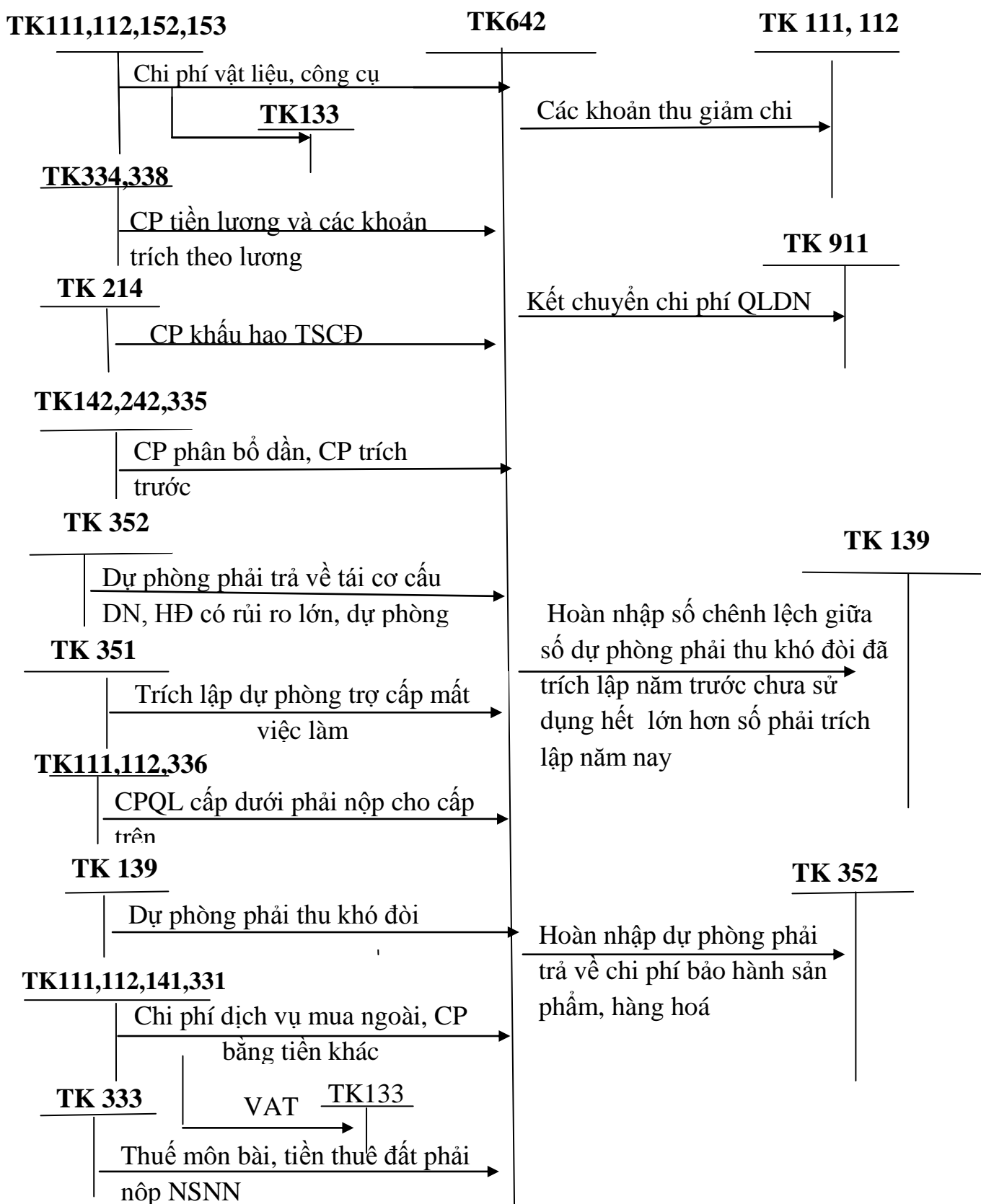
Theo phương pháp kê khai thường xuyên



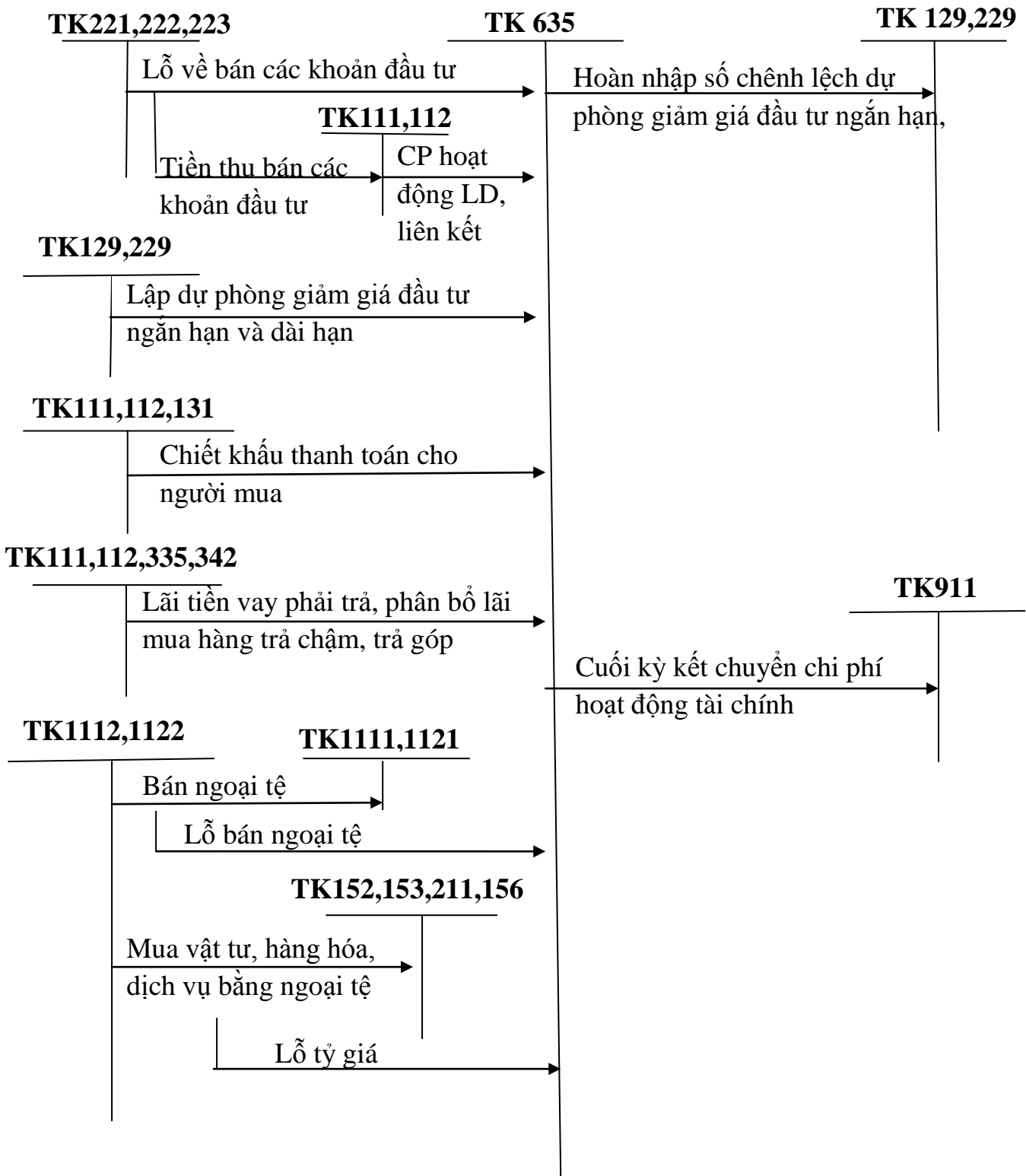
Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí bán hàng



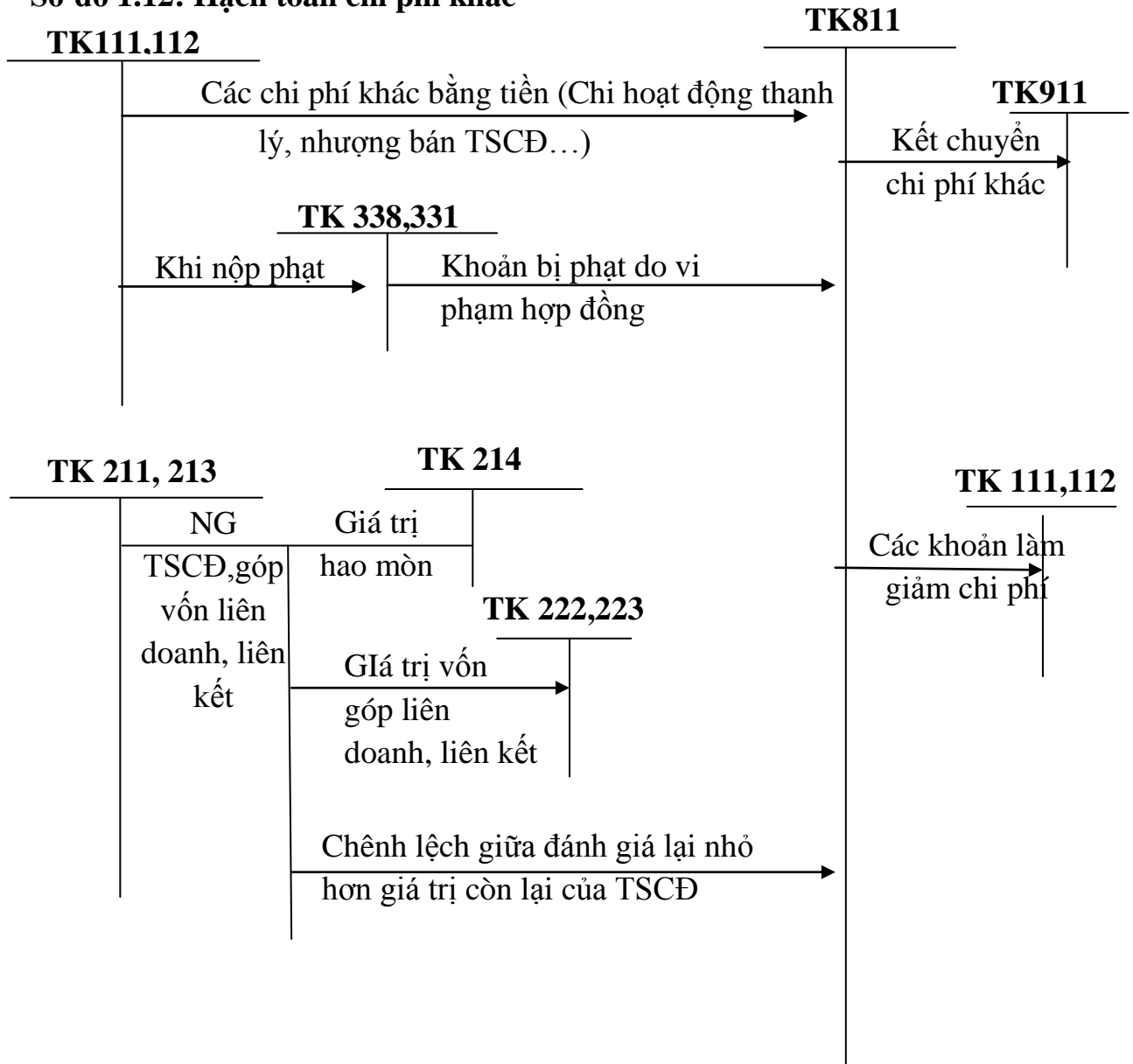
Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí tài chính

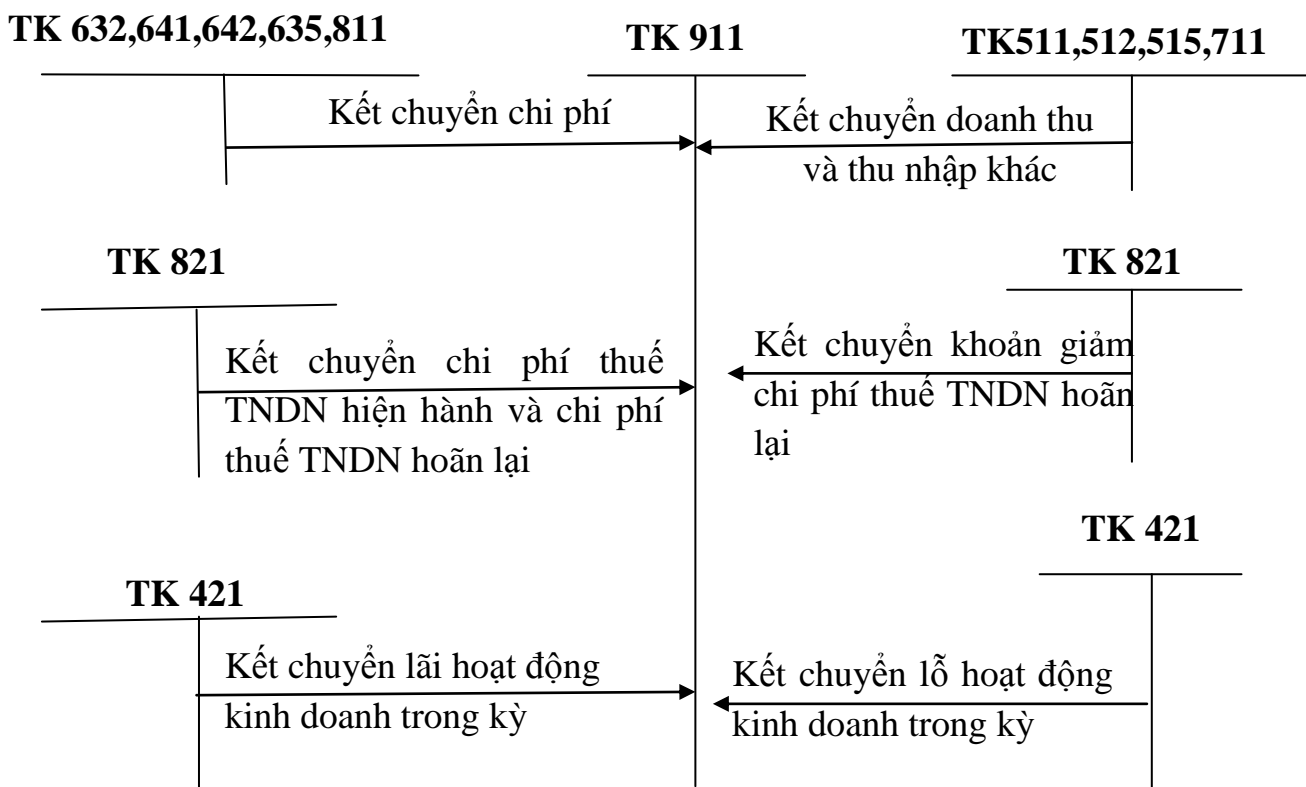


Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí khác



1.2.5.3. Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 1.13: Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



1.3 Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

-Hệ thống sổ kế toán:

Sổ kế toán là loại sổ sách dùng để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng thời kỳ kế toán và niên độ kế toán.

Sổ kế toán có hai loại:

+ **Sổ kế toán tổng hợp:** là sổ thường chỉ dùng chỉ tiêu giá trị để phản ánh một cách tổng quát các đối tượng cần theo dõi để lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo tổng hợp khác.

+ **Sổ chi tiết:** là sổ phân tích các loại tài sản hoặc nguồn vốn theo những yêu cầu quản lý khác nhau, như: chi tiết vật tư, hàng hóa, TSCĐ...Sổ này thường dùng chỉ tiêu giá trị và các chỉ tiêu khác như: số lượng, đơn giá...

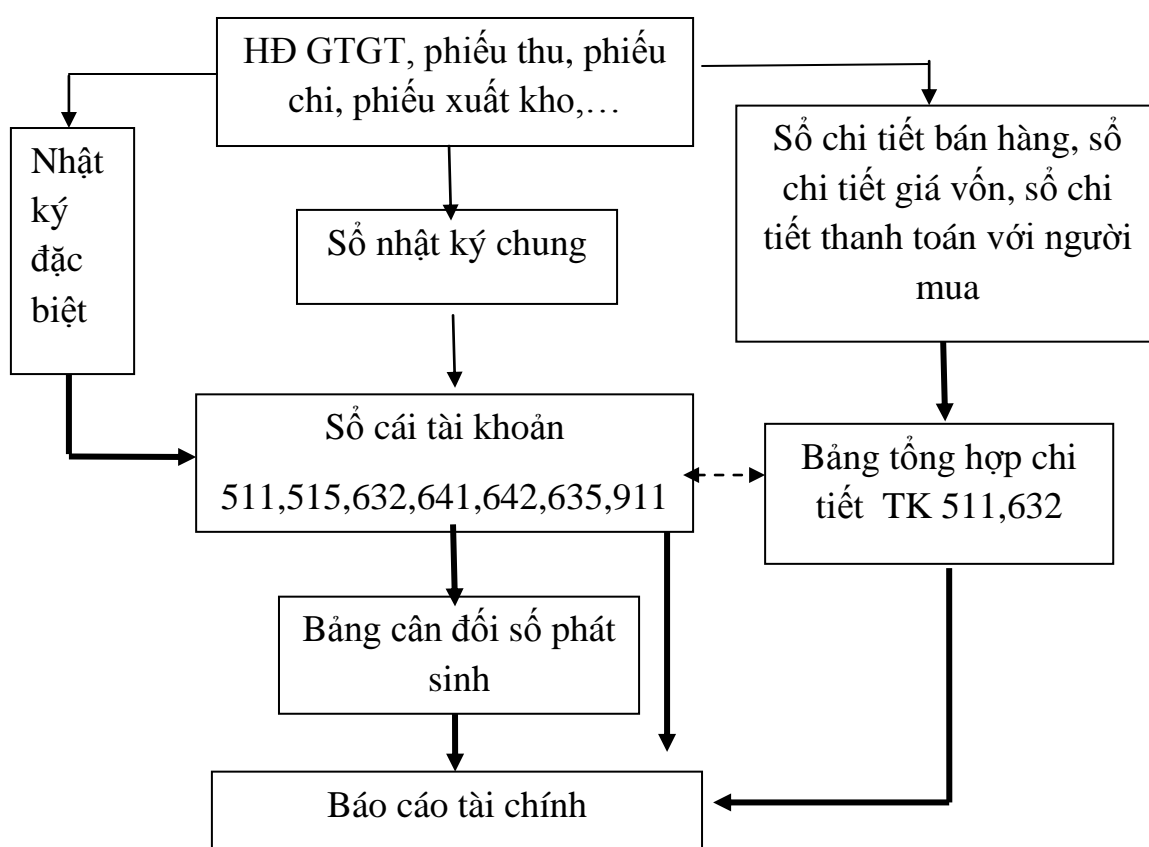
Tổ chức sổ kế toán là việc kết hợp các loại sổ sách có kết cấu khác theo một trình tự hạch toán nhất. Các doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng một trong các hình thức tổ chức sổ kế toán sau đây:

Hình thức nhật ký chung: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Nhật ký chung
- Sổ nhật ký đặc biệt, sổ nhật ký bán hàng
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung.



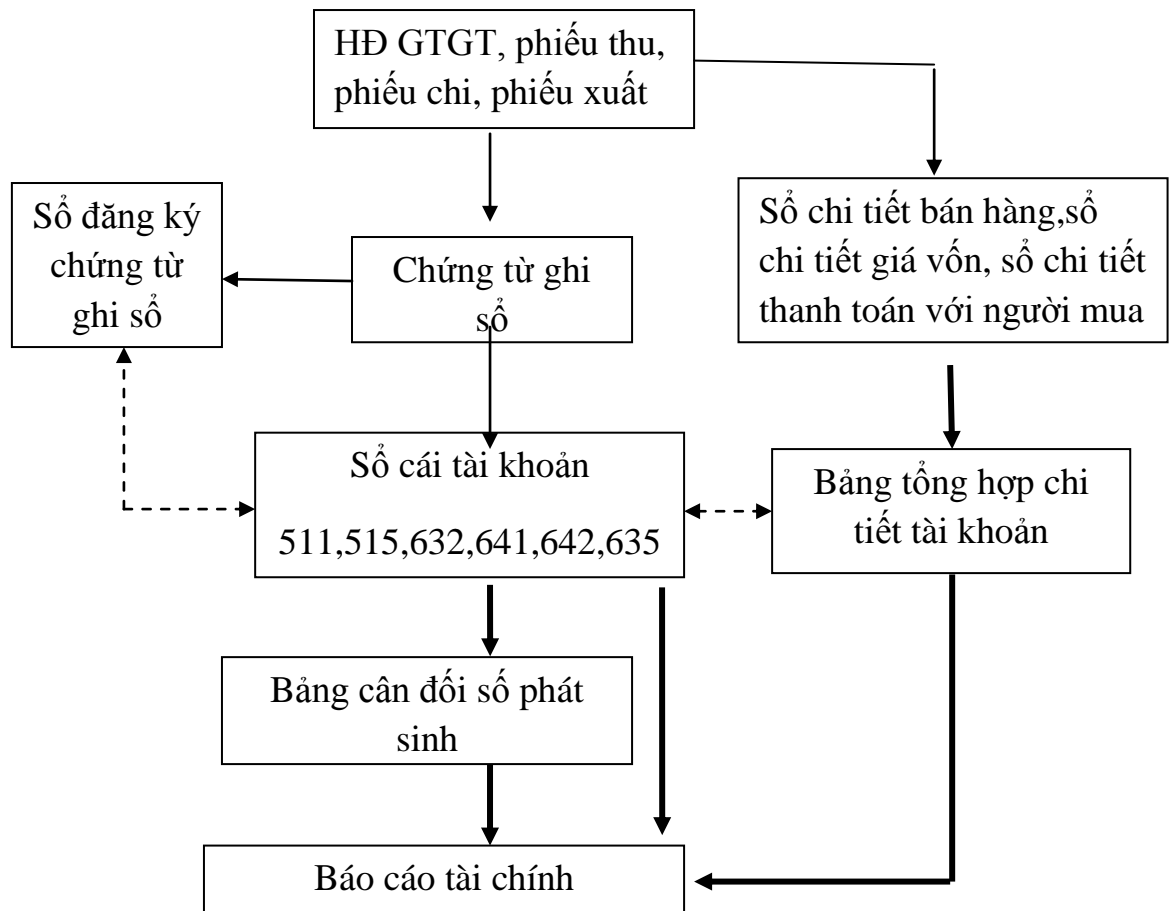
- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 - Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hình thức chứng từ ghi sổ: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →

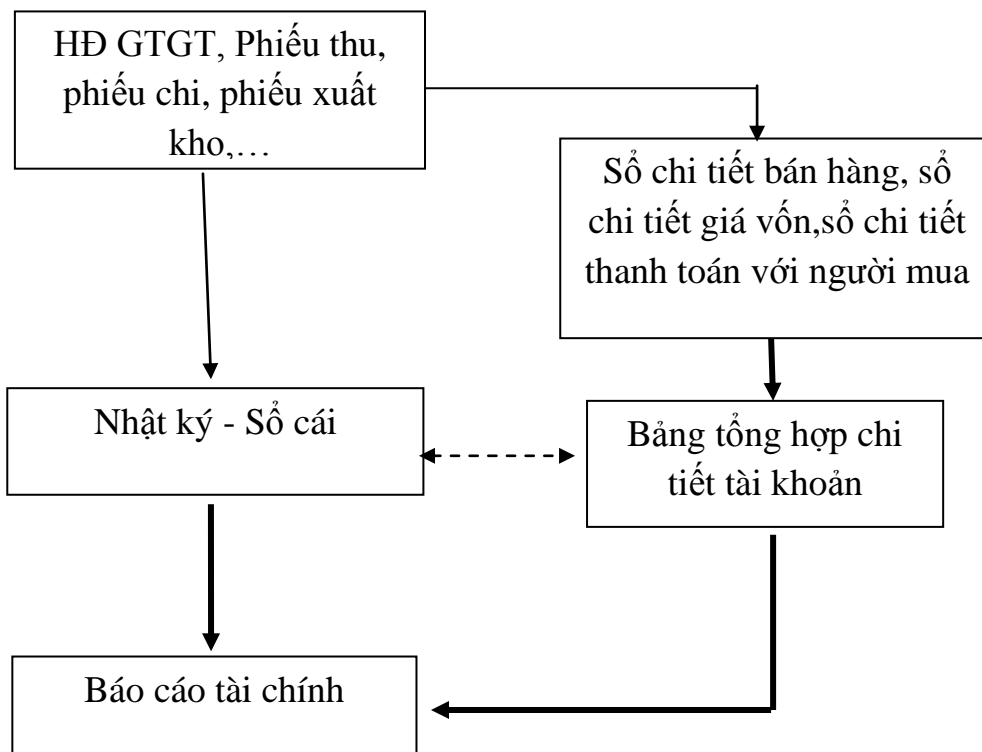
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ← - - - →

Hình thức nhật ký - Sổ cái: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng những sổ sau:

- Sổ Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký - Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

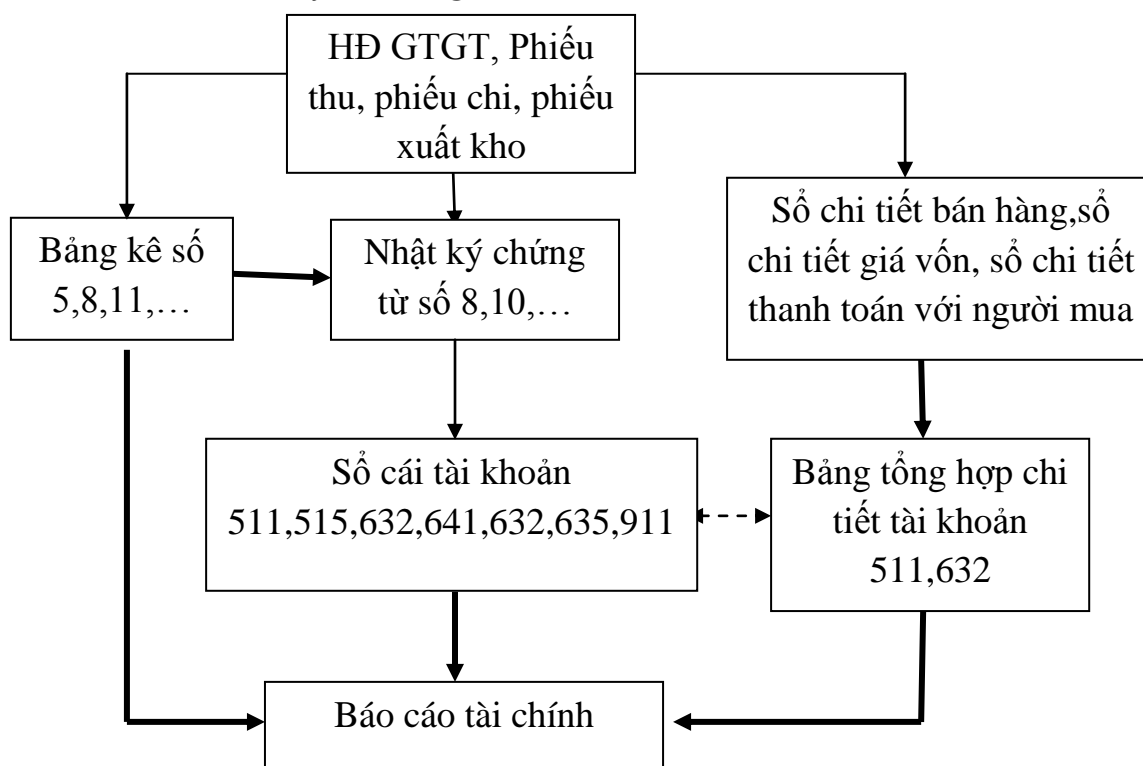
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ← - - - →

Hình thức Nhật ký - Chứng từ: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Chứng từ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký - Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

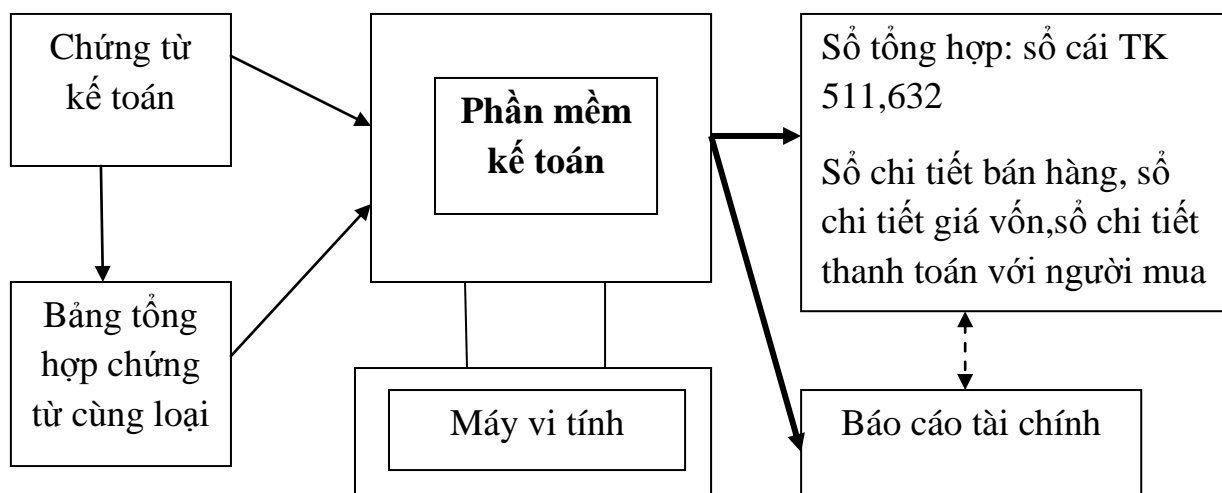
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hình thức kế toán máy:

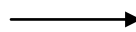
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

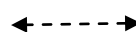
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối năm, cuối tháng



Quan hệ đối chiếu



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần may Trường Sơn

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần may Trường Sơn

Công ty cổ phần may Trường Sơn được thành lập ngày 17 tháng 01 năm 2007 theo quyết định số 0702000736 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Là một công ty mới thành lập, công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ mọi mặt của Đảng, chính quyền địa phương trên con đường phát triển, hội nhập nên thời gian gần đây, các hoạt động sản xuất của công ty tương đối khả quan. Công ty đã có nhiều nỗ lực không ngừng cho sự phát triển toàn diện trong lĩnh vực quản lý như: quản lý nhân sự, chất lượng sản phẩm, cải tiến thiết kế mẫu hàng, thay đổi phương thức tiếp thị, tăng cường khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm ngay từ công đoạn nhập nguyên phụ liệu tới khi sản phẩm được giao cho khách hàng sử dụng. Hiện nay công ty đã đi vào hoạt động ổn định và có những bước thay đổi đáng kể so với ban đầu. Công ty đang có kế hoạch gia tăng sản lượng cho những năm tới, cố gắng xây dựng thương hiệu trên trường quốc tế.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Tên tiếng anh: TRUONG SON GARMENT JOIN STOCK COMPANY

Loại hình: Công ty cổ phần

Trụ sở Công ty: Tổ 8 – Phường Hòa Nghĩa – Quận Dương Kinh - Hải Phòng

Điện thoại: 0313815267.

Tài khoản ngân hàng: 102010000973216- Ngân hàng VIETINBANK, chi nhánh Hải Phòng.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Công ty cổ phần may Trường Sơn chuyên cung cấp các loại sản phẩm, dịch vụ sau:

- May gia công hàng chất lượng cao cho các thương hiệu thời trang nổi tiếng trong và ngoài nước
- Sản xuất hàng may mặc mang thương hiệu riêng theo đơn đặt hàng của khách hàng sỉ (như hệ thống siêu thị, bán lẻ) với yêu cầu chất lượng tốt và giá cả vừa phải.

- Thiết kế, sản xuất, kinh doanh hàng thời trang may mặc với chiến lược đa thương hiệu phục vụ các phân khúc tiêu dùng khác nhau từ phổ thông đến cao cấp.

- Kinh doanh nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành may mặc phục vụ sản xuất của công ty và các công ty khác trong ngành

Năm 2008 do mới thành lập công ty, thiếu kinh nghiệm trong tổ chức quản lý, tay nghề công nhân còn yếu nên năng suất thấp, hàng hoá lỗi hỏng nhiều, công ty kinh doanh liên tục bị lỗ do không cạnh tranh được với các thương hiệu đã có từ lâu nên tình hình tài chính khó khăn.

Năm 2010-2011 với nỗ lực đổi mới công nghệ, phương thức kinh doanh, nâng cao tay nghề cho công nhân, đào tạo cán bộ, tổ chức lại bộ máy quản lý... tình hình kinh tế tại công ty dần được phục hồi và thu được nhiều thành quả đáng kể: quy mô sản xuất ngày càng mở rộng, năm 2009 chỉ có 6 chuyên may, 150 công nhân thì đến cuối năm 2012 số lượng chuyên may tăng lên là 8 chuyên với số lượng lao động là 365 người; chất lượng hàng hoá tăng lên, thu nhập của lao động trong doanh nghiệp tăng tạo niềm tin cho công nhân tiếp tục làm việc, ký kết nhiều hợp đồng kinh tế với khách hàng....

Năm 2012 tới nay công ty nhận được nhiều đơn đặt hàng của khách hàng trong và ngoài nước. Để đáp ứng nhu cầu sản xuất công ty tăng cường đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô sản xuất, thành lập thêm 3 chuyên may và tuyển thêm 140 lao động mới. Các khâu bán hàng, marketing cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Vì vậy mà sản phẩm của công ty ngày càng được nhiều người ưa chuộng, uy tín của công ty được nâng cao.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.2.1 Đặc điểm về tình hình sản xuất của công ty

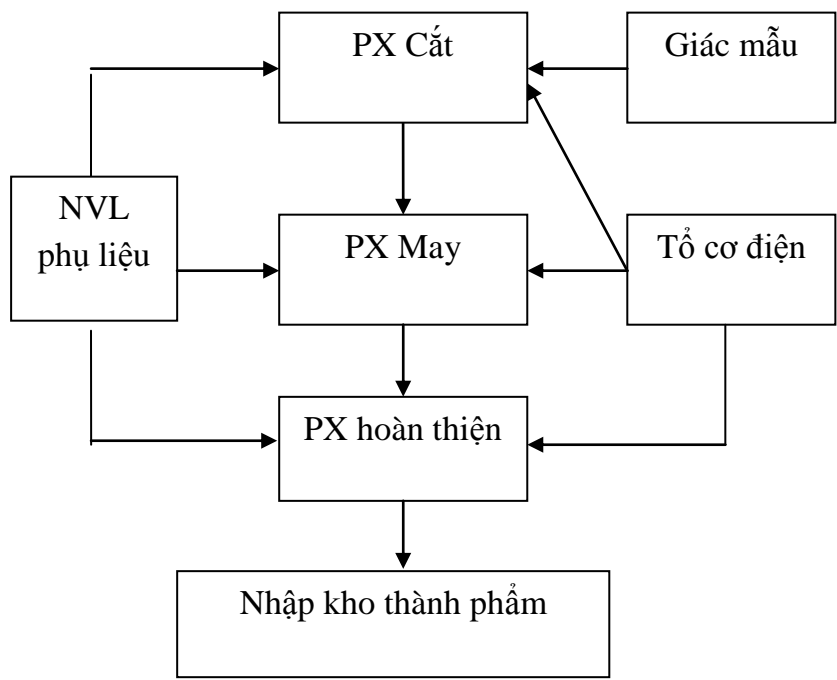
Công ty cổ phần may Trường Sơn là công ty chủ yếu gia công và sản xuất các sản phẩm hàng may mặc theo quy trình công nghệ khép kín với các loại máy móc chuyên dụng. Tính chất sản xuất của công ty là tính chất sản xuất phức tạp, kiểu liên tục, loại hình sản xuất hàng loạt với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất phụ thuộc vào từng mã hàng cụ thể nhưng nhìn chung là sản xuất có chu kỳ ngắn. Mô hình sản xuất công nghiệp của công ty bao gồm các phân xưởng, trong đó bao gồm nhiều tổ, đội đảm bảo chức năng và nhiệm vụ cụ thể khác nhau nhằm phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất công nghiệp của công ty.

Bộ phận sản xuất có nhiệm vụ trực tiếp sản xuất theo nhiệm vụ của phòng kế hoạch sẽ lên kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các tổ sản xuất sẽ đảm nhiệm từng phần công việc cụ thể.

Tại phân xưởng sản xuất được bố trí thành các tổ sản xuất, gia công và các tổ sản xuất chịu sự giám sát trực tiếp của quản đốc. Sản phẩm vận động lần lượt từ công đoạn này đến công đoạn khác một cách liên tục cho đến khi hoàn thành.

Quản đốc là người điều hành các phân xưởng, thực hiện điều hành sản xuất, tổ chức chuẩn bị sản xuất, quản lý và kiểm tra chất lượng, thời gian giao hàng, báo cáo định kỳ cho lãnh đạo công ty tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, thường xuyên giám sát hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân và quản lý tài sản của công ty

2.1.2.2 Quy trình công nghệ sản xuất tại công ty cổ phần may Trường Sơn



Sơ đồ 2.1: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ CỦA CÔNG TY

(Nguồn: Phòng kế hoạch - vật tư của công ty)

Hàng may mặc được sản xuất theo chu trình khép kín gồm: mua hoặc nhập khẩu nguyên vật liệu, tiếp nhận giám định vật tư, thiết kế, may mẫu, duyệt mẫu, giác mẫu, cắt, may, là hơi, đóng gói, giao hàng.

Nguyên vật liệu chính được nhập về kho theo từng chủng loại theo yêu cầu của khách hàng. Tức là khách hàng đặt hàng đồng thời khách hàng sẽ cung cấp luôn số nguyên vật liệu chính cho công ty.

Trên cơ sở mẫu mã, thông số theo yêu cầu của khách hàng, phòng kỹ thuật sẽ ra mẫu, may sản phẩm mẫu và chuyển mẫu cho phân xưởng cắt. Tại đây công nhân lần lượt thực hiện các công việc: trải vải, đặt mẫu kỹ thuật và cắt thành bán thành phẩm, sau đó đánh số, phối kiện chuyển giao cho phân xưởng may.

Ở phân xưởng may, tại đây các công nhân thực hiện các công việc: chập lót, trần bông, giáp vai, may cổ, may nẹp, măng séc... được tổ chức thành dây chuyền.

Bước cuối cùng của dây chuyền là sản phẩm hoàn thành khi may, phải sử dụng các phụ liệu như khóa, chỉ, chun, cúc... may xong chuyển giao phân xưởng hoàn thiện.

Ở xưởng hoàn thiện sẽ tiến hành các bước: là hơi, kiểm tra chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn đã ký kết trong hợp đồng, sau đó đóng gói sản phẩm và cuối cùng nhập kho thành phẩm.

Chức năng và nhiệm vụ của Công ty cổ phần may Trường Sơn.

Chức năng

- Trực tiếp thiết kế, tạo mẫu và sản xuất các sản phẩm may mặc.
- Sản xuất theo đơn đặt hàng của các khách hàng trong nước và nước ngoài.
- Kinh doanh các loại mặt hàng may mặc
- Các sản phẩm mà công ty sản xuất chủ yếu là sơ mi, jacket, áo lông, áo bông mùa đông, quần và nhiều mặt hàng thời trang khác. Mỗi loại đều có nhiều kiểu dáng, mẫu mã, chất lượng, màu sắc khác nhau...

Nhận gia công toàn bộ: khi hợp đồng gia công được ký kết, công ty sẽ nhận nguyên vật liệu từ khách hàng để tiến hành gia công theo yêu cầu và giao lại cho khách hàng.

Nhiệm vụ chủ yếu của công ty.

- Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển kinh tế địa phương và cả nước.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ chính sách pháp luật của nhà nước trong quản lý kinh tế và trong sản xuất kinh doanh.

- Ký kết hợp đồng lao động, thực hiện chính sách cán bộ lao động và tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên của công ty theo quy định của nhà nước. Phải xây dựng định mức lao động cho cá nhân, bộ phận và định mức tổng

hợp theo hướng dẫn của Bộ lao động thương binh và xã hội, xây dựng đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm hoặc hoạt động dịch vụ trình sở lao động thương binh và xã hội phê duyệt. Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty, giải quyết việc làm và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của nhà nước.

- Mở rộng liên kết kinh tế với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài công ty.

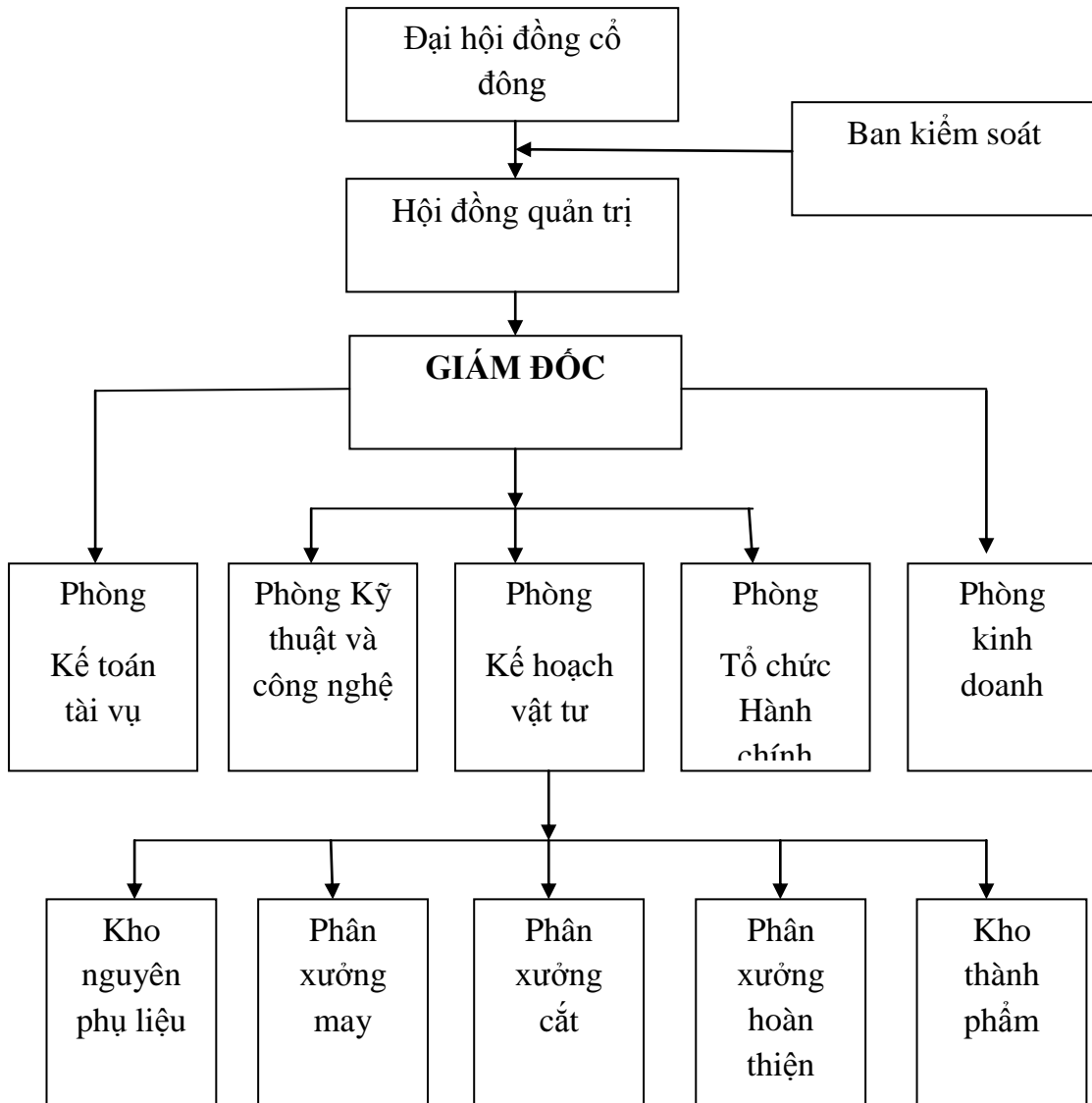
- Bảo vệ tài sản của công ty, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự an ninh, trật tự xã hội, làm tròn nghĩa vụ quốc phòng, tuân thủ pháp luật, hạch toán và báo cáo trung thực chế độ chính sách của nhà nước quy định

2.1.3 Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty

- Về công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp Công ty cổ phần may Trường Sơn cũng đã nghiên cứu lập các phòng ban chuyên trách được bố trí hợp lý, logic khoa học tạo điều kiện cho công ty quản lý chặt chẽ các mặt kinh tế kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí để hạ giá thành, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường, đem lại hiệu quả cao.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty cổ phần may Trường Sơn

(Nguồn: Phòng Tổ chức Hành chính của công ty)



Chức năng các phòng ban trong cơ cấu tổ chức của công ty

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. Đại hội cổ đông quyết định những vấn đề được luật doanh nghiệp 2005 và điều lệ công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát của công ty,...

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý công ty, do đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty trước pháp luật để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát:** Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của tổng giám đốc, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính, kiểm soát, giám sát hội đồng quản trị, giám đốc điều hành trong việc chấp hành điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- **Giám đốc:** Giám đốc là người đứng đầu công ty, có trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty. Là người có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

- Giám đốc công ty chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn. Mỗi phòng, xưởng sản xuất sẽ chuyển mục tiêu sản xuất thành các hoạt động cụ thể của mình để phân đấu nhằm góp phần đạt mục tiêu chung của công ty.

- Kế hoạch sản xuất của các phòng, phân xưởng được giám đốc công ty và phụ trách các phòng và các phân xưởng xem xét, thảo luận, sửa đổi cho phù hợp với những thay đổi của các điều kiện sản xuất của đơn vị. mọi tiến trình thực hiện các kế hoạch, sửa đổi cũng như việc đánh giá kết quả đều được lưu trữ hồ sơ hoạt động của công ty.

Các phòng ban nghiệp vụ: Các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và

chỉ đạo của giám đốc. Công ty hiện có 5 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:

- Phòng Tài chính - Kế toán: Phòng tài chính - kế toán có nhiệm vụ giải quyết những mối quan hệ tài chính hình thành trong quá trình tuần hoàn luân chuyển vốn trong sản xuất và kinh doanh; tổ chức hạch toán các nghiệp vụ mua bán, thanh toán công nợ, thanh toán với ngân hàng nhà nước, phân phối lợi nhuận; quản lý vốn, tài sản, hàng hóa, chi phí bằng cách theo dõi, phản ánh chính xác sự biến động cũng như các đối tượng đó. Hướng dẫn các bộ phận trong việc thanh toán, chế độ biểu mẫu, sổ sách theo dõi đúng quy định.
- Phòng kế hoạch vật tư: có chức năng lập kế hoạch sản xuất, theo dõi các mã hàng, làm các thủ tục xuất hàng, quản lý các kho hàng của công ty. Theo dõi tình hình vật tư nhập về công ty theo từng đơn hàng của từng khách hàng riêng biệt để đảm bảo đúng hay chậm theo thời gian quy định và thông báo lại cho khách hàng để có biện pháp xử lý, theo dõi các kế hoạch sản xuất và tiến độ giao hàng khi việc sản xuất của công ty chưa đáp ứng được.
- Phòng tổ chức Hành chính: Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, quản lý nhân sự thực hiện công tác chính quản trị.
 - Phòng kỹ thuật và công nghệ: có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp thay thế máy móc thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao hơn, tham gia giám sát hoạt động đầu tư về máy móc, thiết bị của công ty và các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.
- Phòng kinh doanh: Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho ban lãnh đạo trong công ty định hướng kinh doanh. Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, thực hiện liên doanh liên kết mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa và phát triển xuất khẩu. giao dịch và đàm phán với khách hàng.
- Với sự phân công về chức năng và nhiệm vụ chi tiết cho từng phòng ban như trên phần nào thúc đẩy cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng đạt hiệu quả cao hơn. Khi nhiệm vụ được phân công rõ ràng sẽ không xảy ra tình trạng chồng chéo công việc lên nhau. Tuy mỗi bộ phận có chức năng riêng nhưng lại có quan hệ chặt chẽ với nhau đó là cùng nằm trong một bộ máy tổ chức của

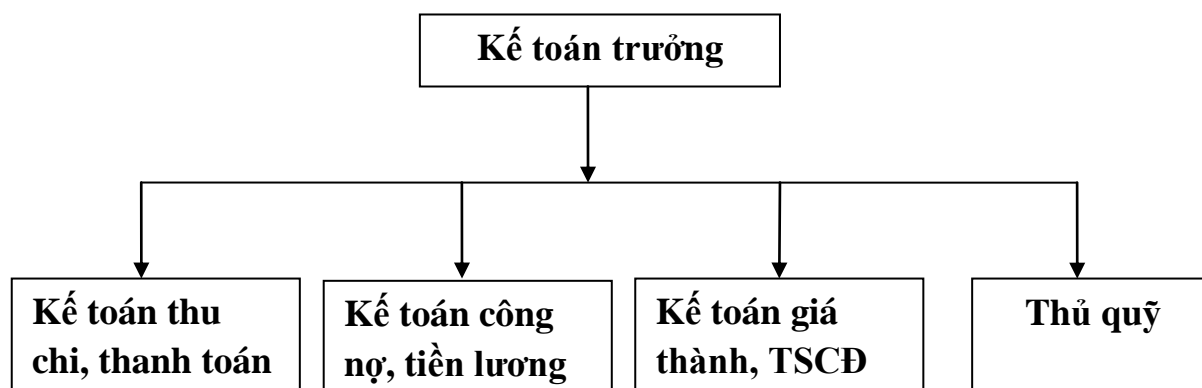
công ty. Do vậy hiệu quả công việc của từng bộ phận sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2 Khái quát tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn

2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn



Giữa các phần hành kế toán có mối quan hệ chặt chẽ với nhau so sánh đối chiếu để đảm bảo các thông tin được ghi chép kịp thời, chính xác. Mỗi phần hành kế toán đều chịu sự chỉ đạo của kế toán trưởng và có quan hệ tương hỗ với các phần hành khác.

*Chức năng, nhiệm vụ của từng người:

- Kế toán trưởng: Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.

+ *Kế toán thu chi, thanh toán* :

- Lập chứng từ thu - chi cho các khoản thanh toán của công ty đối với khách hàng và các khoản thanh toán nội bộ. Phản ánh vào các sổ sách liên quan đến phần hành kế toán hàng ngày và đối chiếu với sổ quỹ.

- Kiểm tra tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty hàng ngày và cuối tháng. Theo dõi các khoản tạm ứng.

- Tiếp nhận các chứng từ thanh toán và kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ

- Cập nhật các qui định nội bộ về tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng.

- Kiểm tra, tổng hợp quyết toán toàn công ty về tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tạm ứng, lương, BHXH, BHYT, BHTN.
- Thực hiện các nhiệm vụ do kế toán trưởng phân công.
- Thực hiện lưu trữ chứng từ, sổ sách, các công văn, qui định có liên quan vào hồ sơ nghiệp vụ.

Kế toán công nợ kiêm kế toán tiền lương :

Kế toán công nợ

- Có nhiệm vụ theo dõi các khoản công nợ phải thu, phải trả của khách hàng. Lập danh sách khoản nợ của các công ty, đơn vị khách hàng để sắp xếp lịch thu, chi trả đúng hạn, đúng hợp đồng, đúng thời hạn, đôn đốc, theo dõi và đòi các khoản nợ chưa thanh toán.
- Phân tích tình hình công nợ, đánh giá tỷ lệ thực hiện công nợ, tính tuổi nợ.
- Kiểm tra công nợ phải thu, phải trả của công ty.
- Thực hiện lưu trữ các chứng từ, sổ sách, các công văn qui định có liên quan vào hồ sơ nghiệp vụ.

Kế toán tiền lương:

- Ngày 30 hàng tháng, căn cứ bảng chấm công trong tháng, số tiền thực chi tháng trước, tính toán, xác định quỹ lương phải trả lập bảng phân bổ tiền lương, BHXH, BHYT tính vào chi phí
- Kế toán theo dõi BHXH, BHYT hàng tháng lập danh sách mua BHXH, BHYT đối chiếu hàng tháng với cơ quan BHXH, lập sổ theo dõi trừ qua lương BHXH, BHYT theo tỉ lệ quy định.

- **Kế toán giá thành:** Có nhiệm vụ tập hợp chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định giá thành của sản phẩm, tham mưu cho cấp trên để có chiến lược bán hàng hợp lý. Ngoài ra còn theo dõi tài sản cố định tại công ty.

Thủ quỹ: Có nhiệm vụ quản lý nhập và xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt, tiền gửi trong ngày. Theo dõi quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi, chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng.

2.2.2 Chính sách và phương pháp kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn

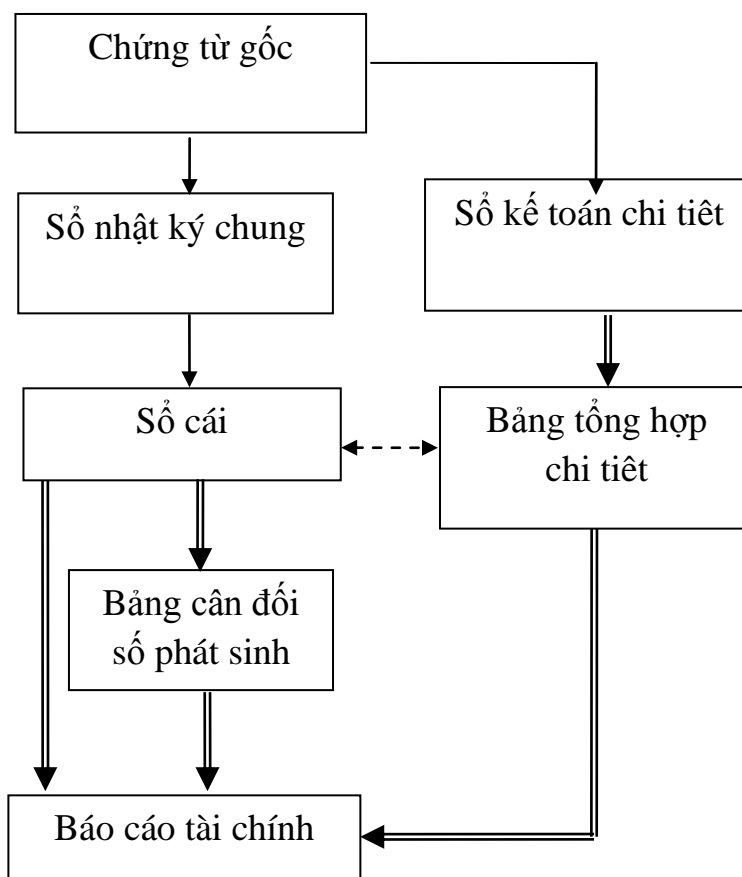
Hình thức kế toán tại công ty.

Hiện nay công ty cổ phần may Trường Sơn áp dụng hình thức **Nhật ký chung** để thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin liên quan đến chỉ tiêu kinh tế- tài chính phục vụ cho việc thiết lập các báo cáo tài chính và ra các quyết định.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra, kế toán trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung, đồng thời với việc ghi sổ **Nhật ký chung**, kế toán cũng phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, kế toán cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh, lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết sẽ lập Báo cáo tài chính

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty cổ phần may Trường Sơn



Sơ đồ 2.4 Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————>

ghi cuối tháng: = = = = =>

Quan hệ đối chiếu: < - - - - ->

Sổ kế toán sử dụng của công ty

Với hình thức nhật ký chung, Công ty cổ phần may Trường Sơn sử dụng hệ thống sổ kế toán chi tiết tổng hợp, báo cáo tài chính theo chế độ quy định:

Sổ tổng hợp: là sổ thường chỉ dùng chỉ tiêu giá trị để phản ánh một cách tổng quát các đối tượng cần theo dõi để lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo tổng hợp khác.

Sổ Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chúng từ gốc đều được kế toán ghi chép theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ này.

Sổ Cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong niên độ kế toán, mỗi tài khoản được mở trên một trang sổ riêng.

Công ty sử dụng Sổ cái TK 111, 112, 131, 133, 151, 156, 331, 511, 632, 911...

Sổ tổng hợp chi tiết:

- Sổ tổng hợp chi tiết hàng hóa: để tổng hợp phần giá trị từ các trang sổ, thẻ chi tiết hàng hóa nhằm đối chiếu với số liệu TK 156 trên Sổ cái.
- Sổ tổng hợp thanh toán với khách hàng: để tổng hợp phần giá trị từ các sổ chi tiết thanh toán với người mua nhằm đối chiếu với số liệu TK 131 trên Sổ cái.
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán: để tổng hợp phần giá trị từ các sổ chi tiết thanh toán với người bán nhằm đối chiếu với số liệu TK 331 trên Sổ cái.

Ngoài ra Công ty còn sử dụng một số Sổ tổng hợp khác, như: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng, Sổ TSCĐ...

Sổ chi tiết: là sổ phân tích các loại tài sản hoặc nguồn vốn theo những yêu cầu quản lý khác nhau, như: chi tiết vật tư, hàng hóa, TSCĐ... Sổ này thường dùng chỉ tiêu giá trị và các chỉ tiêu khác như: số lượng, đơn giá...

Công ty sử dụng các sổ chi tiết sau:

- Sổ chi tiết hàng hóa
- Thẻ kho
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Thẻ TSCĐ
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết quỹ tiền mặt

2.2.2.3. Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01...đến ngày 31/12...
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.
- Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp nhập bình quân sau mỗi lần nhập.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Tính và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

2.2.2.4. Chứng từ sử dụng

Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng kê chi tiền
- Bảng chấm công, bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, giấy chứng nhận nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội
- Biên bản giao nhận TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

2.2.2.5. Hệ thống báo cáo tài chính

Công ty áp dụng hệ thống báo cáo tài chính đúng mẫu biểu về chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính. Việc lập báo cáo được kế toán công ty vận dụng một cách khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà nước đồng thời phù hợp đặc thù kinh doanh của công ty .

Báo cáo tài chính gồm:

- Biểu cân đối kế toán (mẫu B01 – DN)
- Biểu báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu B02 – DN)
- Lưu chuyển tiền tệ (mẫu B03 – DN)

- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu B09 - DN)

Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán phản ánh và giám sát thường xuyên, liên tục, có hệ thống về tình hình sự vận động của từng loại tài sản, nguồn vốn cũng như từng quá trình kinh doanh tại công ty. Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính và lựa chọn ra các tài khoản thích hợp để vận dụng vào hoạt động kế toán

2.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn

2.3.1 Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- **Niên độ kế toán:** bắt đầu từ ngày 01/01...đến ngày 31/12...

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán:** Việt Nam đồng (VNĐ)

- **Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

+ Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.

+ Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

+ Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Tính và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

- Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước:

+ Kiểm tra chứng từ: xác định chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực đúng chế độ kế toán

+ Hoàn chỉnh chứng từ: ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền số thực xuấttổng hợp số liệu. lập và định khoản kế toán.

+ Luân chuyển chứng từ: tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán kịp thời và chính xác.

+ Lưu trữ chứng từ: bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

2.3.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn

2.3.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

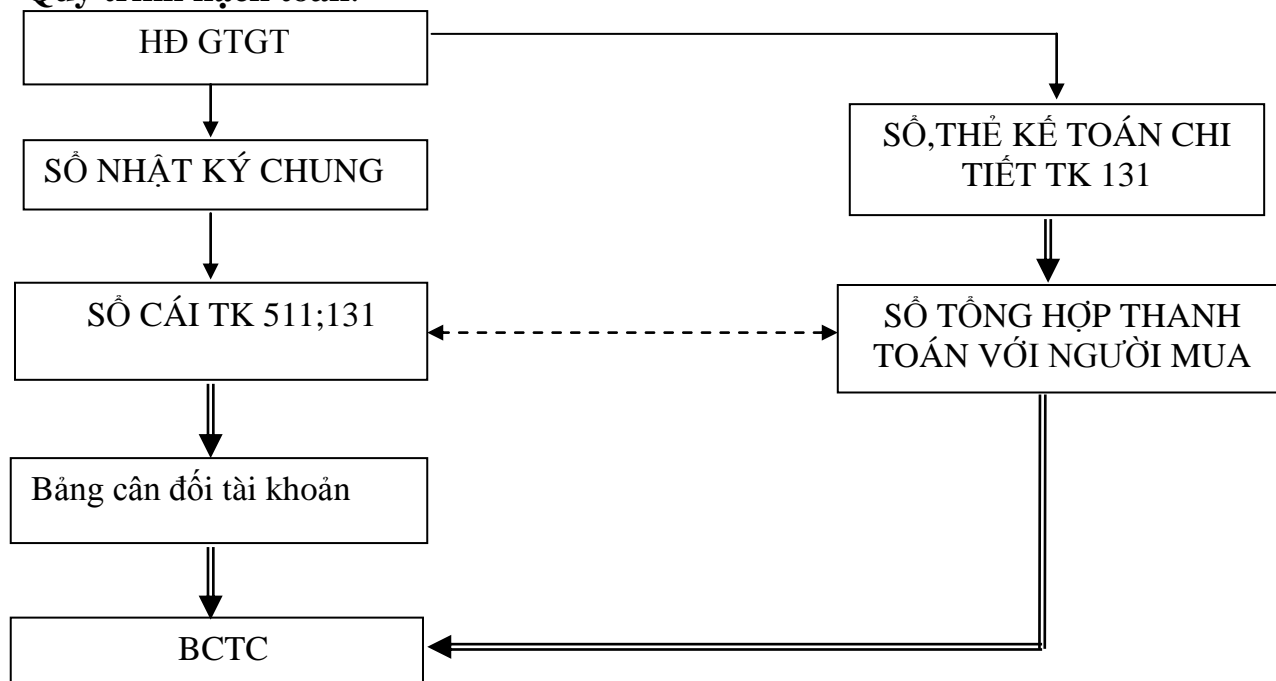
Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu bán hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có
- Các chứng từ có liên quan khác

➤ Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho các mặt hàng tiêu thụ. Trường hợp mua hàng trả tiền ngay, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ ghi giảm doanh thu (nếu có), lập sổ chi tiết bán hàng và vào sổ Nhật ký chung. Sổ chi tiết bán hàng dùng để theo dõi chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Nếu trong trường hợp khách hàng chưa thanh toán, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT vào sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua và sổ Nhật ký chung. Từ đó kế toán vào sổ Cái TK 131. Cuối tháng tiến hành đối chiếu giữa sổ cái TK 131 và sổ tổng hợp thanh toán với người mua.

Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ
- ← - - - - -> Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ:

Tháng 05/2013 Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC, từ Sổ Nhật ký chung vào sổ cái 511, Sổ cái TK 333, Sổ cái TK131, Căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành theo dõi các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết 131.

- Ngày 11/05/2013 bán hàng cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh theo hợp đồng số 0002842 chưa thanh toán.

- Ngày 16/05/2013 bán hàng cho công ty TNHH Nam Việt hợp đồng số 0002855 thanh toán ngay bằng chuyển khoản

- Ngày 21/05/2013 bán hàng cho công ty Hồng Anh theo hợp đồng số 0002871 chưa thanh toán

- Ngày 21/05/2013 bán hàng cho công ty Thuận Phát theo hợp đồng số 0027873 chưa thanh toán

- Ngày 29/05/2013 công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh trả lại hàng không đạt tiêu chuẩn

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT

Mẫu số:01GTKT-3LL- 01

Công ty cổ phần may Trường Sơn

Ký hiệu: 01AA/ 13P

Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP

002855

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 16/05/2013

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ : Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng

Điện thoại : 0313.815267 MS:

0 1 0 1 2 6 8 6 3 8

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Nam Việt

Địa chỉ : Thụy Hương- Kiến Thụy – Hải Phòng

Hình thức thanh toán : Chuyển khoản MS:

0 6 0 7 3 6 3 4 7 1

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Áo sômi	Chiếc	300	180.000	54.000.000
2	Đầm công sở	Chiếc	150	350.000	52.500.000
3	Quần kaki	Chiếc	200	250.000	50.000.000
4	Áo chống nắng	Chiếc	300	160.000	48.000.000
	Cộng tiền hàng				204.500.000

Thuế GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: **20.450.000**

Tổng cộng tiền thanh toán:

224.950.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi tư triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn)

Biểu 2.3: Giấy báo Có của ngân hàng



GIẤY BÁO CÓ

Số TK: 102010000973216

Tên Tài khoản: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi có với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
15/05/2013	224.950.000	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Số TK: 102010000973216 Người chuyển: CÔNG TY TNHH Nam Việt Nội dung giao dịch: Thanh toán tiền hàng

Biểu số 2.4: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số S31 – DN

Địa chỉ: Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/02006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 05/2013

Tài khoản: 131 (Trích)

Đối tượng: Công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				20.500.000	
			SPS tháng					
21/05	0002842	21/05	Doanh thu bán hàng	511	136.000.000		156.500.000	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	13.600.000		170.100.000	
29/05	0002842	29/05	Hàng bán bị trả lại	531		5.700.000	164.400.000	
			Thuế GTGT hàng bán bị trả lại	3331		570.000	163.830.000	
			Cộng SPS tháng		149.600.000	6.270.000		
			Số dư cuối tháng				163.830.000	

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán vào sổ tổng hợp thanh toán với người mua.

Biểu số 2.5: Sổ tổng hợp thanh toán với người mua

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 05/2013

Tài khoản: 131 (Trích)

STT	Khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP thương mại Hoa Vinh	20.500.000		149.500.000	6.270.000	163.380.000	
2	Công ty Hồng Anh			209.000.000		209.000.000	
3	Công ty Thuận Phát	45.600.000		176.000.000		221.600.000	
						
	Cộng	175.800.000		650.000.000	6.270.000	719.530.000	

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung

**(TRÍCH)
SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013**

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
0002842	11/05	Doanh thu bán sản phẩm	X		131	149.6000.000	
					511		136.000.000
					3331		13.600.000
0002855	16/05	Doanh thu bán sản phẩm	X		112 511 3331	224.950.000	204.500.000 20.450.000
.....					
0002871	21/05	Bán hàng cho công ty Hồng Anh	X		131 511 3331	209.000.000	190.000.000 19.000.000
0002873	21/05	Doanh thu bán hàng cho công ty Thuận Phát	X		131 511 3331	176.000.000	160.000.000 16.000.000
GBC	25/05	Thu tiền lãi từ ngân hàng			112 515	30.600.000	30.600.000
0002842	29/05	Công ty cổ phần thương mại hoa Vinh trả lại hàng			531 3331 131	5.700.000 570.000	6.270.000
.....						
		Cộng chuyển trang sau				15.606.910.330	15.606.910.330

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Giám đốc

Biểu 2.7: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty CP may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP

Mẫu số S35 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Áo somi

Năm 2013

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			TK 531
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
	
11/05	0002842	11/05	Bán cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh	131	200	230.000	46.000.000	5.700.000
16/05	0002855	16/05	Bán cho Cty TNHH Nam Việt	112	300	180.000	54.000.000	0
21/05	0002871	21/05	Bán cho công ty Hồng Anh	131	350	210.000	73.500.000	0
21/05	0002873	21/05	Bán hàng cho công ty Thuận Phát	131	300	200.000	60.000.000	0
						
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp				391.250.000 335.685.500 55.564.500	
			Cộng					

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.8: Sổ tổng hợp chi tiết

Đơn vị: : Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng.

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

(Trích)

Tháng 05 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
1	Áo sơmi	396.950.500	5.700.000	391.250.500	335.685.500	55.564.500
2	Áo vest	440.473.439	0	440.473.439	405.599.265	34.874.174
3	Quần âu	385.190.749	0	385.190.749	336.414.191	39.776.558
4	Áo chống nắng	208.575.250	0	208.575.250	170.350.125	38.225.125
				
	Cộng	2.002.500.000	15.125.465	1.987.374.535	1.643.500.000	343.874.535

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty Cổ phần may Trường Sơn)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 511 (TRÍCH)

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu 511

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
				T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
11/05	0002842	11/05	DT bán sản phẩm cho công ty CP thương mại Hoa Vinh			131		136.000.000
16/05	0002855	16/05	Dt bán sản phẩm cho công ty TNHH Nam Việt			112		204.500.000
21/05	0002871	21/05	DT bán sản phẩm cho công ty Hồng Anh			131		190.000.000
21/05	0002873	21/05	DT bán sản phẩm cho công ty Thuận Phát			131		160.000.000
.....					
31/05	PKT57	31/05	Kết chuyển doanh thu hàng bán bị trả lại			531	5.700.000	
31/05	PKT52	31/05	Kết chuyển doanh thu thuần			911	2.002.500.000	
			Cộng phát sinh tháng				2.002.500.000	2.002.500.000
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

2.3.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty cổ phần may Trường Sơn

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

Chứng từ sử dụng

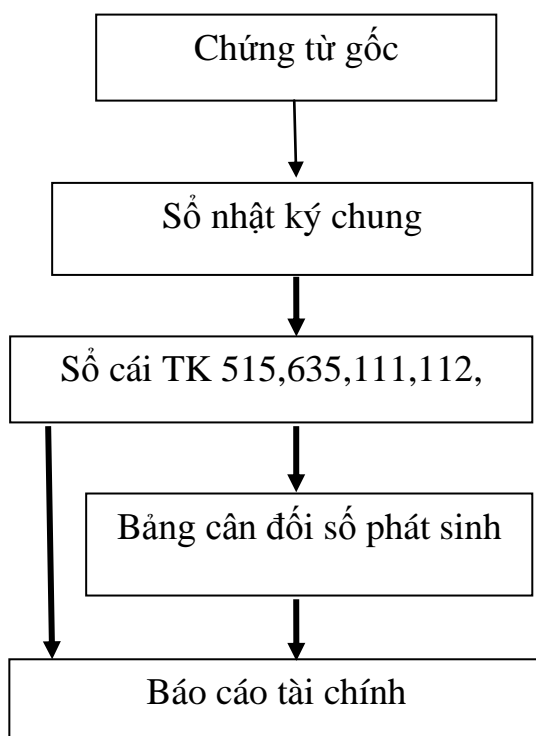
- Phiếu thu
- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ sổ sách có liên quan

Tài khoản sử dụng

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

TK 635 – Chi phí tài chính

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty cổ phần may Trường Sơn



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

Ví dụ 1: Ngày 15/05/2013 công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng tháng 5/2013 của ngân hàng VIETINBANK CHI NHÁNH Hải Phòng, số tiền là 10.526.120

Biểu 2.10: Giấy báo có



Giấy báo có

Số TK: 102010000973216

Tên Tài khoản: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi có với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
15/05/2013	10.526.120	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Số TK: 102010000973216 Người chuyển: NHTMCP công thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng Nội dung giao dịch: Lãi tiền gửi ngân hàng

Ví dụ 2: Ngày 31/05/2013 nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng về lãi vay tháng 05 năm 2013

Căn cứ vào Giấy báo nợ (Biểu số 2.11), kế toán vào sổ Nhật kí chung (Biểu số 2.12), từ số liệu sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 635 (Biểu số 2.13) sau đó từ sổ Cái TK 635 lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản 635 lập báo cáo tài chính.

Biểu 2.11: Giấy báo nợ



Giấy báo nợ

Số TK: 102010000973216

Tên Tài khoản: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi nợ với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
31/05/2013	22.650.000	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Số TK: 102010000973216 Người chuyển: Công ty cổ phần may Trường Sơn Nội dung giao dịch: Trả lãi vay ngân hàng

Biểu 2.12: Sổ nhật ký chung

(TRÍCH)
SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
GBC	15/05	Lãi tiền gửi ngân hàng vietinbank	X		112	10.526.120	
					515		10.526.120
.....					
0002871	21/05	Bán hàng cho công ty Hồng Anh	X		131 511 3331	209.000.000	190.000.000 19.000.000
GBC	25/05	Thu tiền lãi từ ngân hàng			112 515	30.600.000	30.600.000
.....						
GBC	27/05	Tiền lãi của khách hàng mua hàng trả chậm			112 515	7.835.906	7.835.960
GBN	31/05	Trả tiền lãi vay ngân hàng			635 112	22.650.000	22.650.000
		Cộng chuyển trang sau				15.606.910.330	15.606.910.330

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.13: Sổ chi tiết TK 515

Mẫu số S38 – DN

Đơn vị: Công ty CP may Trường Sơn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Số hiệu TK: 515 – Doanh thu tiền lãi gửi

DVT: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

15/05	GBC	15/05	Lãi tiền gửi ngân hàng vietinbank	112		10.526.120
25/05	GBC	25/05	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		30.600.000
27/05	GBC	27/05	Tiền lãi của khách hàng mua hàng trả chậm	112		7.835.960
				
31/05	PKT 52		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	189.542.526	
			Cộng		189.542.526	189.542.526

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 515 (TRÍCH)

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu 515

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
15/05	GBC	15/05	Lãi tiền gửi ngân hàng vietinbank			112		10.526.120
.....					
25/05	GBC	25/05	Lãi tiền gửi ngân hàng vietcombank			112		30.600.000
27/05	GBC	27/05	Tiền lãi của khách hàng trả chậm			112		7.835.960
31/05	PKT52	31/05	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	189.542.526	
			Cộng phát sinh tháng				189.542.526	189.542.526
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kể từ đầu quý					

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, học tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Sổ cái TK 635 (TRÍCH

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu 635

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
20/05	PC389	20/05	Chiết khấu thanh toán cho công ty Lê Hoa			112	2.800.000	
...					
31/05	GBN	31/05	Trả tiền lãi ngân hàng			112	22.650.000	
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí tài chính			911	88.485.235	
			Cộng phát sinh tháng				88.485.235	88.485.235
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần may Trường Sơn

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

Kế toán giá vốn hàng bán công ty sử dụng chứng từ là:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác như: Giấy biên nhận, phiếu chi, giấy báo nợ...

❖ Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng các tài khoản:

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Và các tài khoản liên quan khác : TK 133(1) – Thuế GTGT khấu trừ
TK 331 – Phải trả người bán...

❖ Sổ kế toán sử dụng

Kế toán giá vốn hàng bán công ty sử dụng các loại sổ:

- Sổ chi tiết tài khoản 632
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632
- Và sổ chi tiết, sổ cái của một số tài khoản liên quan khác

❖ Phương pháp hạch toán:

Bút toán phản ánh giá vốn hàng bán:

. Phương pháp xác định giá vốn hàng hoá:

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân sau mỗi lần nhập

$$P_N = \frac{P_{TN}}{SL_N}$$

Giải thích

P_N : Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

P_{TN} : Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

SL_N : Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần

Ví dụ: Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng áo somi

- Ngày 1/5/2013 tồn kho 300 sản phẩm, đơn giá 160.000đ/chiếc
- Ngày 06/05/2013 nhập kho 300 sản phẩm, đơn giá 180.000đ/chiếc
- Ngày 11/05/2013 xuất kho 200 sản phẩm cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh
- Ngày 12/05/2013 nhập kho 400 sản phẩm, đơn giá 130.000đ/sản phẩm
- Ngày 16/5/2013 xuất kho 300 sản phẩm cho công ty TNHH Nam Việt

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 06/05

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của mặt} \\ \text{hàng áo somi} \end{array} = \frac{(300 \times 160.000) + (300 \times 180.000)}{300 + 300} = 170.000\text{đ/chiếc}$$

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 11/05 là: $170.000\text{đ} \times 200 = 34.000.000$

Tồn: $(300 \times 160.000) + (300 \times 180.000) - (200 \times 170.000) = 68.000.000\text{đ}$

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 12/05

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau ngày} \\ \text{12/05} \end{array} = \frac{68.000.000 + (400 \times 130.000)}{400 + 400} = 150.000\text{đ/SP}$$

Trị giá hàng xuất kho ngày 16/05 là $150.000\text{đ} \times 300 = 45.000.000$

Tồn : $68.000.000 + (400 \times 130.000) - 45.000.000 = 75.000.000$

Biểu số 2.16: Phiếu xuất kho

Công ty CP may Trường Sơn
Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của
Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 05 năm 2013

Số: 115

Nợ TK 632

Có TK 155

Họ, tên người nhận hàng : Địa chỉ (bộ phận)

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty Cổ phần thương mại Hoa Vinh

Xuất tại kho : Công ty cổ phần may Trường Sơn

STT	Tên sản phẩm	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Áo sơmi		chiếc	200	200	170.000	34.000.000
02	Quần âu		chiếc	200	200	200.000	40.000.000
03	Áo vest		chiếc	100	100	320.000	32.000.000
	Tổng cộng						106.000.000

Cộng thành tiền (bằng chữ : Một trăm linh sáu triệu đồng chẵn.

Xuất, ngày 11 tháng 05 năm 2013

Thủ kho **Người lập phiếu** **Kế toán trưởng** **Người nhận** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên,
đóng dấu)

Biểu số 2.17: Phiếu xuất kho

Công ty cổ CP may Trường Sơn
Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – HP

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo quyết định số 15/ 2006 /QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 05 năm 2013

Nợ TK 632

Số 126

Có TK 155

Họ, tên người nhận hàng : Địa chỉ (bộ phận)

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty TNHH Nam Việt

Xuất tại kho : Công ty cổ phần may Trường Sơn

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Áo somi		chiếc	300	300	150.000	45.000.000
002	Đầm công sở		chiếc	150	150	300.000	45.000.000
03	Quần kaki		chiếc	200	200	200.000	40.000.000
04	Áo chống nắng		chiếc	300	300	120.000	36.000.000
	Tổng cộng						166.000.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): *Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*

Xuất, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Thủ kho Người lập phiếu Kế toán trưởng Người nhận Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên,
đóng dấu

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn)

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng.

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Áo somi

Tháng 5 năm 2013 (trích)

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
11/05	PX115	11/05	Xuất bán cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh	200	170.000	34.000.000
			...			
16/05	PX126	16/05	Xuất bán cho công ty TNHH Nam Việt	300	150.000	45.000.000
		
21/05	PX138	21/05	Xuất bán cho C.Ty Hồng Anh	350	160.000	56.000.000
21/05	PX144	21/05	Xuất bán cho C.Ty Thuận Phát	300	165.000	49.500.000
			...			
			Cộng phát sinh			335.685.500

Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 tới trang 03

Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn)

Biểu số 2.19: Sổ tổng hợp giá vốn

Đơn vị: Công ty CP may Trường Sơn

Địa chỉ: : Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh- Hải Phòng.

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 05 năm 2013

(trích)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm	Giá vốn hàng bán
01	Áo somi	335.685.500
02	Quần âu	428.000.000
03	Áo vest	105.500.000
04	Quần kaki	125.000.000
05	Áo chống nắng	260.000.000
06	Quần jean	389.314.500
	Cộng	1.643.500.000

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số 02

- Ngày mở sổ: 01/05/2013

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20 : sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

(TRÍCH)

(Đơn vị tính: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
							
11/05	PX115	11/05	Giá vốn hàng bán cho Công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh	x		632 155	106.000.000	106.000.000
11/05	0002842	11/05	Doanh thu bán sản phẩm	x		131	149.6000.000	
						511		136.000.000
						3331		13.600.000
16/05	PX126	16/05	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Nam Việt	x		632 155	166.000.000	166.000.000
16/05	0002855	16/05	Doanh thu bán sản phẩm	x		111 511 3331	224.950.000	204.500.000 20.450.000
.....					
21/05	PX138	21/05	Giá vốn hàng bán cho công ty Hồng Anh	x		632 155	155.000.000	155.000.000
21/05	0002871	21/05	Bán hàng cho công ty Hồng Anh	x		131 511 3331	209.000.000 190.000.000 19.000.000	
21/05	PX144	21/05	Giá vốn hàng bán cho công ty Thuận Phát	x		632 155	140.000.000	140.000.000
21/05	0002873	21/05	Doanh thu bán sản phẩm	x		131 511 3331	176.000.000	160.000.000 16.000.000
.....					
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển giá vốn	x		911	1.643.500.000	
						632		1.643.500.000
			Cộng chuyển trang sau				15.606.910.330	15.606.910.330

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.21: Sổ cái

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu 632

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
...					
11/05	PX115	11/05	Giá vốn hàng bán cho công ty CP thương mại Hoa Vinh			155	106.000.000	
16/05	PX126	16/05	Giá vốn hàng bán cho c.ty TNHH Nam Việt			155	166.000.000	
							
21/05	PX138	21/05	Giá vốn hàng bán cho công ty Hồng Anh			155	155.000.000	
21/05	PX144	21/05	Giá vốn hàng bán cho công ty Thuận Phát			155	140.000.000	
.....					
31/05	PN352	31/05	Giảm giá vốn do hàng bị trả lại			155		4.200.000
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	1.643.500.000	
			Cộng phát sinh tháng				1.643.500.000	1.643.500.000
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

2.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

➤ **Kế toán chi phí bán hàng.**

Tài khoản 641 được sử dụng để phản ánh chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hoá, lao vụ như chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giới thiệu, bảo hành

✚ Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

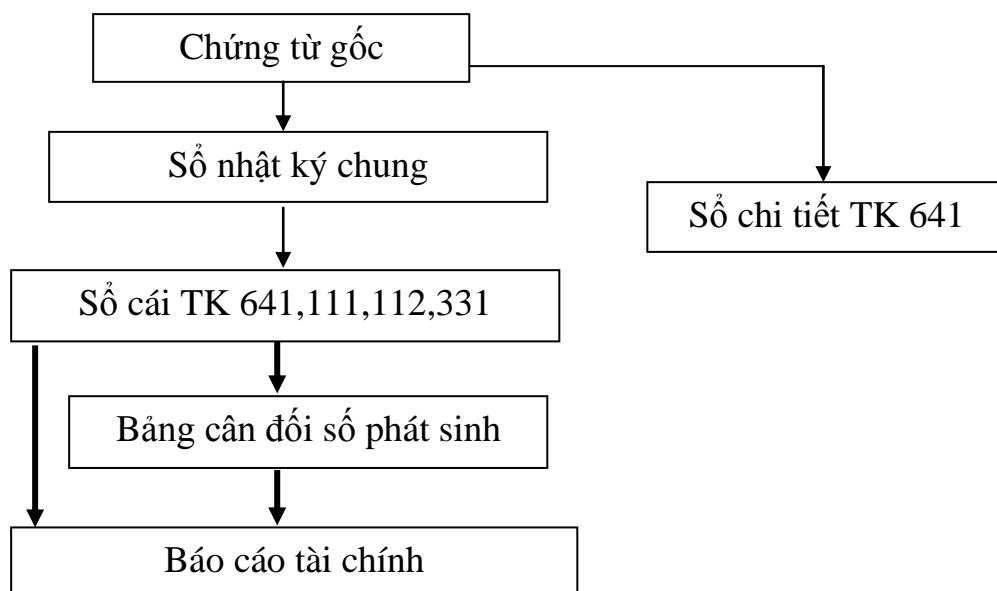
✚ Tài khoản sử dụng

Kế toán chi phí bán hàng sử dụng tài khoản 641

Sổ kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641
- Và sổ cái của một số tài khoản liên quan

✚ Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

❖ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

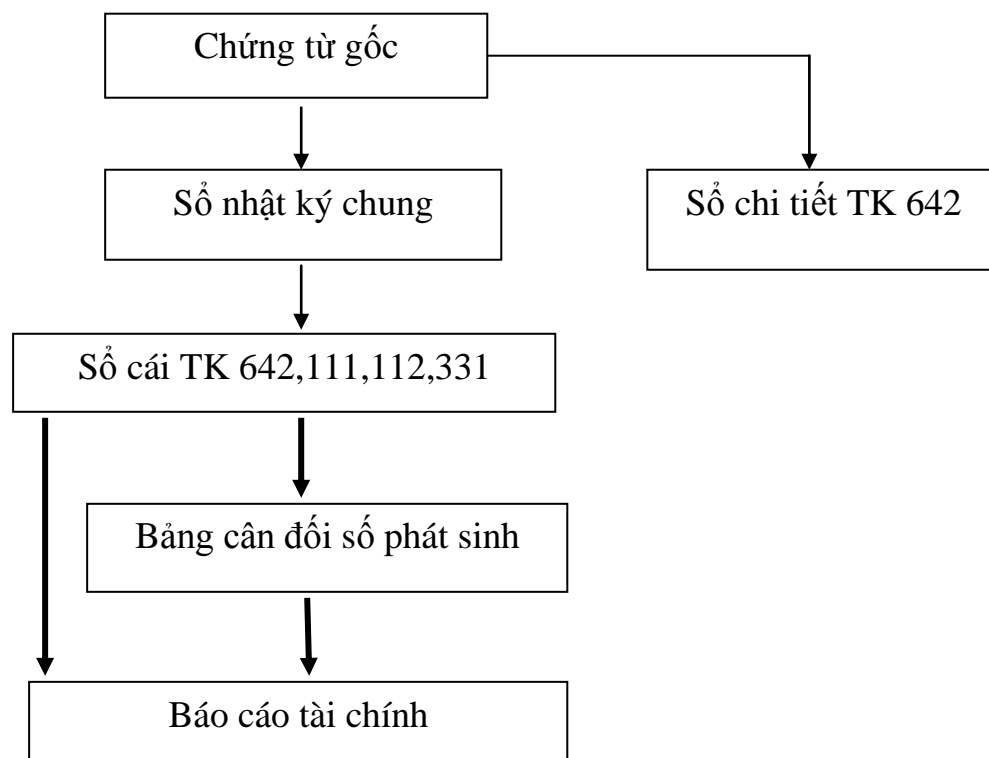
Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp chỉ phục vụ cho quá trình quản lý liên quan đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Cũng giống chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tập hợp cho hoạt động kinh doanh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí nhân viên quản lý: lương, phụ cấp
- + Chi phí công cụ, văn phòng phẩm, hành chính
- + Khấu hao TSCĐ
- + Fax, điện thoại, vệ sinh, tiếp khách, công tác phí, xăng, dầu, cầu, phà...
- + Sửa chữa thường xuyên
- + Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- + Chi phí bằng tiền khác



Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

Biểu 2.22. Bảng thanh toán tiền lương

BỘ PHẬN BÁN HÀNG

Tháng 5 năm 2013

Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

STT	Họ tên	Mức lương theo HĐ	Ngày công thực tế đi làm	Tổng lương phải trả	Phụ cấp ăn ca	Lương làm thêm giờ	Tổng lương	Tạm ứng	9.5% BHXH, BHTN, BHYT, KPCĐ	Thực lĩnh
1	Lê Thế Hùng	4.200.000	26	4.200.000	400.000		4.600.000	0	399.000	4.201.000
2	Đỗ Văn Duy	3.300.000	26	3.300.000	415.385	253.846	3.969.231	0	313.500	3.655.731
3	Trần Thị Lan	3.100.000	26	3.100.000	400.000		3.500.000	0	294.500	3.205.500
4	Nguyễn Thị Nụ	3.100.000	26	3.100.000	400.000		3.500.000	0	294.500	3.205.500
									
11	Nguyễn Thị Ngát	3.000.000	26	3.000.000	400.000	230.769	3.630.769	0	285.000	3.345.769
	Tổng	26.700.000		26.700.000	4.080.000	1.200.000	48.700.000	0	4.626.500	44.073.500

Biểu 2.23: Bảng tính và phân bổ khấu hao

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO

Tháng 05 năm 2013

STT	Chi tiêu	Tỉ lệ KH%/tg sử dụng	Nơi sử dụng		TK641-Chi phí bán hàng	TK642-Chi phí QLDN
			Toàn DN			
			Nguyên giá	Số khấu hao		
A	B	1	2	3	4	5
1	I. Số khấu hao tháng trước		7.245.536.700	35.307.354	21.925.376	23.318.987
	- 5 máy tính LG	4	60.000.000	1.250.000	500.000	750.000
	- 2 máy điều hòa LG	3	25.000.000	694.444	231.481	462.963
	- 2 máy fax	3	23.000.000	638.888	319.444	319.444
	- 1 máy photocopy	3	25.000.000	694.444	231.481	462.963
	- 2 máy in	2	7.400.000	308.333	154.166	154.167

2	II. Số khấu hao tăng trong tháng	10	460.000.000	3.833.333	3.833.333	
	- 2 xe chở hàng Huyndai 16M-9007 cũ	10	460.000.000	3.833.333	3.833.333	
	- 1 xe oto toyota Hiace 16 chỗ ngồi đưa đón nhân viên văn phòng	10	680.000.000	5.666.667		5.666.667
3	III. Số khấu hao giảm trong tháng					
4	IV. Số khấu hao TSCĐ trích tháng này(IV=I + II+ III)		8.385.536.700	53.492.075	24.443.430	29.048.645

Kế toán

Giám đốc

Biểu số 2.24: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP may Trường Sơn

Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – HP

Mẫu số: S03a- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 05/2013 (Trích)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		
						
05/05	HĐ438	12/05	Chi phí mua bao bì		641 111	11.080.000	11.080.000
.....				
31/05	BPBKH	31/05	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng		641 214	24.443.430	20.348.548
31/05	BPBTL	31/05	Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng		641 334 338	59.901.000	48.700.000 11.201.000
31/05	BPBTL	31/05	Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận QLDN		642 334 338	76.875.000	62.500.000 14.375.000
31/05	BPBKH	31/05	Trích khấu hao cho bộ phận QLDN		642 214	29.048.645	29.048.645
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí bán hàng		911	102.089.986	102.089.986
					641		102.089.986
30/11	PKT53	30/11	Kết chuyển chi phí QLDN		911	138.030.000	
					642		138.030.000
.....				
			Cộng chuyển sang trang sau			15.606.910.330	15.606.910.330

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương và các hóa đơn chứng từ khác liên quan kế toán vào sổ cái tài khoản 641

Biểu số: 2.25. Sổ cái TK 641

TRÍCH) SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu 641

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang sổ	STT Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
04/05	PC356	04/05	Chi phí mua bao bì			111	11.080.000	
06/05	PC360	06/05	Chi tiền điện thoại cho nhân viên bán hàng			111	3.300.000	
31/05	BPBTL	31/05	Tính lương phải trả cho nhân viên bán hàng			334	48.700.000	
31/05	BPBTL,BHXH	31/05	Các khoản trích theo lương của nhân viên			338	11.201.000	
31/05	BPBKH	31/05	Trích khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng			214	24.443.430	
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		102.089.896
			Cộng phát sinh tháng				102.089.896	102.089.896
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty CP may Trường Sơn)

Biểu số 2.26. Sổ cái TK 642 (TRÍCH)

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu 642

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
10/05	PC368	10/05	Chi tiếp khách			111	2.750.000	
10/05	PC369	10/05	Chi mua xăng xe			111	1.200.000	
.....					
12/05	PC372	12/05	Thanh toán tiền điện thoại			111	1.052.000	
25/05	BPBTL	25/05	Tính lương phải trả cho nhân viên quản lý			334	62.500.000	
25/05	BPBTL,BHXXH	25/05	Các khoản trích theo lương của nhân viên			338	14.375.000	
.....					
31/05	BPBKH	31/05	Khấu hao tài sản cố định			214	29.048.645	
.....					
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911		138.030.000
.....					
			Cộng phát sinh tháng				138.030.000	138.030.000
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng
(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn)

Giám đốc

2.2.2.4. Kế toán xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần may Trường Sơn

Nội dung

Tại Công ty cổ phần may Trường Sơn căn cứ vào các chứng từ gốc và sổ nhật ký chung để tổng hợp và xác định kết quả tiêu thụ.

Kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh trong kỳ theo công thức:

$$\text{Kết quả kinh doanh trước thuế} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý KD}$$

Trong đó:

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Tổng Doanh thu} - \text{các khoản giảm trừ doanh thu}$$

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 9111 – Xác định kết quả kinh doanh

Và các tài khoản liên quan khác

Sổ kế toán sử dụng

Sổ chi tiết tài khoản 9111

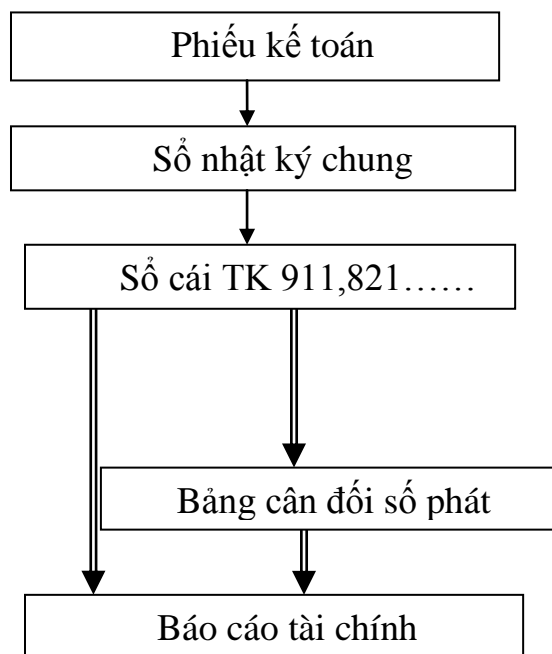
Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 9111

Và một số sổ chi tiết, sổ cái của các tài khoản liên quan khác.

Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

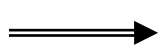
Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

Biểu 2.27: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 52

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	2.002.500.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	189.542.526
	Tổng cộng			2.192.042.526

Người Lập

Biểu 2.28: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 53

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.643.500.000
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	88.485.235
3	Kết chuyển CPBH	911	641	102.089.896
4	Kết chuyển CPQLDN	911	642	138.030.000
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	22.358.186
	Tổng cộng			1.994.463.317

Người Lập

Biểu 2.30: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 54

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp tháng 5	821	3334	49.394.803
	Tổng cộng			49.394.803

Biểu 2.31: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 55

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 5	911	821	49.394.803
	Tổng cộng			49.394.803

Biểu 2.32: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 56

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối tháng 5	911	421	148.184.406
	Tổng cộng			148.184.406

Biểu số 2.33 : sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
31/05	PKT 52	31/05	Kết chuyển doanh thu	511	911	2.002.500.000	2.002.500.000
31/05	PKT 52	31/05	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	189.542.526	189.542.526
31/05	PKT 53	31/05	Kết chuyển giá vốn	911	632	1.643.500.000	1.643.500.000
31/05	PKT 53	31/05	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	88.485.235	88.485.235
31/05	PKT 53	31/05	Kết chuyển CPBH	911	641	102.089.896	102.089.896
31/05	PKT 53	31/05	Kết chuyển CP QLDN	911	642	138.030.000	138.030.000
31/05	PKT 53	31/05	Kết chuyển chi phí khác	911	811	22.358.186	22.358.186
31/05	PKT 54	31/05	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	49.394.803	49.394.803
31/05	PKT 55	31/05	K/C thuế TNDN phải nộp quý	911	821	49.394.803	49.394.803
31/05	PKT 56	31/05	K/C LN chưa phân phối	911	421	148.184.406	148.184.406
			Cộng			15.606.910.330	15.606.910.330

Biểu số 2.34. Sổ cái TK 642 (TRÍCH)

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Số hiệu 911

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
31/05	PKT52	31/05	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		2.002.500.000
31/05	PKT52	31/05	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		189.542.526
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	1.643.500.000	
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí tài chính			635	88.485.235	
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí bán hàng			641	102.089.896	
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí QLDN			642	138.030.000	
31/05	PKT53	31/05	Kết chuyển chi phí khác			811	22.358.186	
31/05	PKT55	31/05	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			821	49.394.803	
31/05	PKT56	31/05	Xác định kết quả kinh doanh			421	148.184.406	
			Cộng phát sinh tháng				2.192.042.526	2.192.042.526
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cp may Trường Sơn

Biểu số 2.35: Sổ cái TK 821 (TRÍCH)

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu:821

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
....					
31/05	PKT54	31/05	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			3334	49.394.803	
31/05	PKT55	31/05	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp			911		49.394.803
.....					
			Cộng phát sinh tháng				49.394.803	49.394.803
			Cộng lũy kể từ đầu quý					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty CP may Trường Sơn)

Biểu số 2.36: Sổ cái TK 421 (TRÍCH)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
....					
31/05	PKT56	31/05	Xác định lãi tháng 5/2013			911		148.184.406
.....					
			Cộng phát sinh tháng					148.184.406
			Số dư cuối kỳ					

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN

3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may Trường Sơn

Trong những năm vừa qua, công ty CP may Trường Sơn đã trải qua những giai đoạn thuận lợi khó khăn, những bước thăng trầm và nhiều biến động của thị trường. Tuy nhiên công ty vẫn gặt hái được nhiều thành tích to lớn, hệ thống kế toán doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện, phát huy hiệu quả là công cụ quản lý kinh tế, trong đó phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng cũng thể hiện được những ưu thế riêng, song bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế mà trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng các kế toán viên cần đưa ra biện pháp khắc phục.

Thị trường kinh tế mở cửa ban lãnh đạo công ty đã linh hoạt đưa ra nhiều biện pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn. Nhận thức đúng quy luật kinh tế thị trường, từ đó vận dụng sáng tạo vào thực tế, Công ty đã hiểu được “Lợi nhuận là sức sống”, cho nên trong vấn đề quản lý, bộ phận kế toán của Công ty đã quan tâm thích đáng tới việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.1. Về ưu điểm

Thứ nhất: Công tác kế toán của công ty, được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ, nhân viên kế toán phù hợp chặt chẽ giữa các thành viên với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi và phương pháp tính toán, ghi chép. Do đó mọi công việc đều được hoàn thành kịp thời theo sự chỉ đạo của kế toán trưởng.

Thứ hai: Công ty có nhiều biện pháp bảo quản, lưu trữ hàng hoá. Khi nhập kho, công ty kiểm tra chất lượng sản phẩm rất chặt chẽ, đảm bảo chất lượng khi giao cho khách hàng. Các mặt hàng của công ty đều được phân loại rõ ràng theo từng tính chất công dụng của hàng hoá. Kế toán đánh giá và phản ánh giá trị nhập xuất theo đúng nguyên tắc kế toán và phù hợp với thực tế của công ty.

Thứ ba: Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

Vừa đảm bảo cung cấp số liệu thường xuyên liên tục và chính xác; linh động theo tình hình thị trường, cung cấp kịp thời những thông tin theo yêu cầu của nhà quản lý.

Thứ tư: Trong công ty có mối liên hệ chặt chẽ giữa các phòng ban với nhau nên phòng kinh doanh và phòng kế toán luôn hoạt động hỗ trợ cho nhau. Vừa đảm bảo sự đối chiếu chính xác vừa đảm bảo quản lý hàng hoá chặt chẽ tránh được những hao hụt mất mát không đáng có.

Mặc dù trong kỳ kinh doanh, số lượng hàng hoá mua vào, bán ra nhiều nhưng công tác kế toán luôn đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực, chính xác. Nhờ đó, công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện nhanh chóng, chính xác, là căn cứ quan trọng để Ban giám đốc đưa ra quyết định kinh doanh cho công ty.

Thứ năm: Do chất lượng của hàng hoá tại công ty được đảm bảo nên rất ít khi phát sinh hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán. Từ đó uy tín chất lượng của công ty ngày càng được đảm bảo nâng cao.

Nói một cách tổng quát, công tác hạch toán kế toán của công ty cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện một cách đơn giản, dễ hiểu nhưng vẫn đảm bảo quá trình hạch toán kế toán của công ty.

3.1.2. Những nhược điểm của công tác kế toán tại công ty

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh còn tồn tại những nhược điểm cần phải khắc phục. Cụ thể:

✓ *Về ứng dụng khoa học công nghệ*

Công ty chưa có phần mềm kế toán riêng nên khối lượng công việc của kế toán vẫn còn nhiều, việc tính toán vẫn còn vất vả và mất nhiều thời gian cho nhân viên kế toán. Công việc kế toán chủ yếu thực hiện bằng thủ công và thực hiện trên phần mềm Excel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Công ty cũng chưa tổ chức bộ máy kế toán quản trị để phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Vì vậy những thông tin mà kế toán cung cấp cho nhà quản lý đôi khi thiếu chính xác, kịp thời và còn nhiều bất cập trong việc điều hành quản lý nội bộ đơn vị.

✓ *Về tình hình quản lý công nợ*

Hiện nay tại công ty chưa tiến hành trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng công ty có chính sách bán trả chậm nên việc xảy ra rủi ro do không thu hồi được nợ là rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán. Hoặc cũng có thể không thanh toán được.

✓ *Về chính sách bán hàng*

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

✓ *Về khả năng cạnh tranh của công ty*

Hiện nay, việc kinh doanh của công ty đang gặp phải khó khăn do yếu tố chủ quan và khách quan của thị trường kinh tế. Công ty đang đứng trước sự cạnh tranh gay gắt của các công ty may mặc thời trang có thương hiệu lớn ở Hải Phòng và các tỉnh khác như May 10, Việt Tiến,... và sự ra đời hàng loạt của các công ty thời trang khác

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại công ty, em nhận thấy về cơ bản, công tác kế toán của Công ty đã tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ tài chính ban hành, đồng thời phù hợp với tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên, bên cạnh đó không thể tránh khỏi những mặt còn tồn tại, chưa tối ưu. Trên góc độ của một sinh viên, em xin đưa ra một số ý kiến nhỏ nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại Công ty.

➤ *Đề xuất 1: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán*

Hiện nay công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức...

Tuy thực tế hiện nay công ty đã trang bị máy tính cho phòng kế toán

nhưng mọi công việc vẫn phải làm thủ công trên excel. Để việc xử lý số liệu và công việc tính toán, tổng hợp dữ liệu trở lên đơn giản, nhanh gọn, thuận tiện và hiệu quả hơn, công ty nên nhanh chóng ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán nói chung, kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nói riêng.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán với các phần mềm nổi tiếng như MISA, 3A ACCOUNTING, SAS INNOVA, AC SOFT, FAST ACCOUNTING... Công ty cần nghiên cứu và lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, với các nghiệp vụ phát sinh của đơn vị mình.

Việc ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán tại công ty sẽ giúp cho các kế toán viên giảm được khối lượng công việc hàng ngày, kế toán tổng hợp giảm được thời gian tổng hợp, đối chiếu số liệu, đặc biệt là có thể cung cấp thông tin tài chính nói chung, kết quả kinh doanh của công ty nói riêng tại bất kỳ thời điểm nào khi nhà quản lý yêu cầu.

➤ *Đề xuất 2: Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng*

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty cổ phần may Trường Sơn cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại : là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521-Chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên :

- Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên HĐ GTGT hoặc HĐ Bán hàng lần cuối cùng

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

- Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa này, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường

Đề xuất 3: Về tình hình quản lý công nợ

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về những khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra thì việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều vô cùng cần thiết:

- Các khoản nợ của khách hàng là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán rất dễ xảy ra.

- Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi

Do vậy công ty nên tiến hành lập khoản dự phòng phải thu khó đòi cho các hoạt động của mình

Đối với dự phòng các khoản phải thu khó đòi :

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến

ngày 31/12/2013). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

Để trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 159 “dự phòng phải thu khó đòi” và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Phương pháp xác định mức dự phòng cần lập:

Dự phòng phải thu khó đòi cần lập = Nợ phải thu khó đòi × số % có khả năng mất

Mức trích lập đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Thời gian thanh toán quá hạn(t)	Mức dự phòng cần lập
$6^{\text{tháng}} \leq t < 01^{\text{năm}}$	30% giá trị nợ phải thu
$01^{\text{năm}} \leq t < 2^{\text{năm}}$	50% giá trị nợ phải thu
$02^{\text{năm}} \leq t < 3^{\text{năm}}$	70% giá trị nợ phải thu
$\geq 3^{\text{năm}}$	100% giá trị nợ phải thu

Khi tiến hành các khoản trích lập dự phòng công ty cần chú ý:

+ Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có căn cứ xác định các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được.

+ Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phải được chi tiết cho từng khách hàng. Sau khi tiến hành xong việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí trên Các TK 642 rồi sau đó kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Đối với các khoản nợ được xóa sổ thì căn cứ vào các chứng từ sau : biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của tòa án... Quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được.

Sau khi tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được, kế toán vẫn phải tiến hành theo dõi tối thiểu trong vòng 5 năm và vẫn phải có các biện pháp đòi nợ. sau này nếu thu hồi được số nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được và ghi nhận :

Nợ TK 111 ; 112 : Giá trị thực tế thu hồi được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời tiến hành ghi đơn :

Có TK 004 : Nợ khó đòi đã

➤ *Đề xuất 4: Về biện pháp nâng cao khả năng cạnh tranh*

Để nâng cao khả năng cạnh tranh, Công ty cần phải xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng đối với chất lượng hàng hóa, giá cả cũng như sự hài lòng. Sự hài lòng thể hiện thông qua chủng loại, chất lượng hàng hóa, giá cả, cách trưng bày, chất lượng phục vụ. Đồng thời thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến mãi và chăm sóc khách hàng một cách triệt để. Người tiêu dùng luôn có suy nghĩ là làm thế nào để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng với một chi phí thấp nhất. Điều đó khiến họ thường tìm đến những chương trình khuyến mại của các nhà phân phối để tiêu dùng. Nắm bắt được nhu cầu đó của khách hàng, công ty có thể kết hợp với các nhà cung cấp hàng hóa cho mình để thực hiện những chương trình khuyến mại sau đó tổ chức quảng cáo tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng hay tại chính hệ thống siêu thị

Trên đây là một số phương hướng nhằm hoàn thiện quá trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may trường Sơn Tuy nhiên để những phương hướng đó được thực hiện thì cần phải có những biện pháp sau:

- Công ty phải thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán toàn công ty.
- Công ty phải trang bị cơ sở vật chất đầy đủ cho phòng kế toán.
- Công ty phải có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kế toán về tài khoản sử dụng, các quan hệ đối ứng tài khoản và chế độ sổ sách kế toán.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế hàng hoá, tiền tệ bắt buộc các doanh nghiệp phải đối mặt với thị trường, để tồn tại phát triển và kinh doanh có hiệu quả bên cạnh các hoạt động đa dạng phong phú về sản xuất kinh doanh ,tất yếu các doanh nghiệp phải có một cơ chế dự báo, kiểm tra giám đốc một cách toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh cùng các phương hướng hoạch định cho doanh nghiệp của mình.

Với một thị trường sôi động, mang tính cạnh tranh như Việt Nam hiện nay công tác tiêu thụ sản phẩm, quản lý lao động và tiền lương, giám sát tình hình tài chính của công ty giữ một vị trí quan trọng, quyết định đến sự thành bại của một doanh nghiệp. Sử dụng một cách tốt nhất công cụ quản lý đặc biệt là công tác hạch toán kế toán sẽ làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt được hiệu quả cao.

Là một bộ phận trong nền kinh tế quốc dân Công ty cổ phần may Trường Sơn đã tìm cho mình một đường lối và định hướng phát triển để tạo cho mình một chỗ đứng trên thị trường. Nhờ những chính sách và kế hoạch hợp lý công ty đã đạt được nhiều thành tựu to lớn .

Qua thời gian thực tập tại công ty giúp em hiểu hơn về thực tế công tác kế toán nói riêng và cách thức tổ chức hoạt động của một doanh nghiệp nói chung.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các anh chị trong phòng tài vụ kế toán cùng sự hướng dẫn của **cô giáo Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng** tận tình giúp đỡ em hoàn thành đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Sinh viên thực hiện

Ngô Mai Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của bộ trưởng bộ tài chính.
2. Chuẩn mực kế toán
3. Giáo trình kế toán tài chính
4. Tài liệu, các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2013 của công ty cổ phần may Trường Sơn
5. GS. TS Đặng Thị Loan (năm xuất bản), giáo trình “ kế toán tài chính trong các doanh nghiệp”, nhà xuất bản, nơi xuất bản
6. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính –NXB tài chính 2003.
7. PGS - TS Ngô Thế Chi, *Giáo trình kế toán doanh nghiệp tài chính* , NXB Tài chính, 10/2004.